

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2008/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành đề án "Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường"

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ngày 17 tháng 08 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam);

Căn cứ Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2005/TT-BKH ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc: Triển khai thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam);

Căn cứ Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2008/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, khoá VII, nhiệm kỳ 2004-2009, kỳ họp thứ 11, về nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2008;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề án "Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường", gồm mục tiêu, nội dung và kinh phí như sau:

I. Mục tiêu.

1. Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu tổng quát đến năm 2020 là:

a) Đà Nẵng phấn đấu đạt *thành phố thân thiện môi trường*”, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng môi trường đất, chất lượng môi trường nước, chất lượng môi trường không khí, tạo sự an toàn về sức khỏe và môi trường cho người dân, các nhà đầu tư, cho du khách trong và ngoài nước khi đến với thành phố Đà Nẵng;

b) Ngăn ngừa ô nhiễm và suy thoái môi trường, có đủ năng lực để xử lý và khắc phục các sự cố môi trường;

c) Tất cả người dân thành phố, các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đến làm ăn và sinh sống tại Đà Nẵng đều có ý thức về công tác bảo vệ môi trường, xây dựng Đà Nẵng – thành phố môi trường.

2. Các mục tiêu cụ thể theo từng giai đoạn:

a) Giai đoạn 2008-2010: Tập trung giải quyết một số vấn đề môi trường cấp bách như:

+ Nước rỉ rác tại bãi rác Khánh Sơn, hồ Đầm Rong; hạ lưu sông Phú Lộc. Ô nhiễm nước biển ven bờ: bãi biển Thanh Bình, Mỹ Khê; khu Âu Thuyền Thọ Quang, cửa sông Cu Đê;

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các Khu Công nghiệp, gồm: Hoà Khánh, Dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Hòa Cầm,...

+ Giải quyết triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại các nhà máy, xí nghiệp, đặc biệt đối với các nhà máy sản xuất sắt thép, xi măng, chế biến thủy sản; Giảm thiểu bụi giao thông; Xã hội hoá công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh.

+ Thu gom triệt để rác thải sinh hoạt (95%) và rác thải nguy hại (100%); tăng cường tái chế chất thải rắn lên 30%.

b) Giai đoạn 2011 - 2015: Phấn đấu đạt:

+ 90% chất lượng nước thải của các khu công nghiệp, khu chế xuất đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường.

+ 90% nước thải sinh hoạt của tất cả các quận nội thành được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

+ Kiểm soát được các nguồn phát sinh chất thải nguy hại và thực hiện xử lý hợp vệ sinh.

+ Tiếp tục xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn. Phân loại chất thải tại nguồn, 90% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý hợp vệ sinh.

+ Hình thành và phát triển công nghiệp tái chế chất thải để tái sử dụng, phấn đấu 50% chất thải thu gom được tái chế.

- + 90% dân số nội thành và 70% dân số các xã ngoại ô được sử dụng nước sạch.
- + Kiểm soát ô nhiễm không khí: từ các nguồn phát sinh gồm giao thông đường bộ, khí thải công nghiệp và khí thải từ các khu vực đô thị. Đảm bảo chỉ số ô nhiễm không khí (API) nhỏ hơn 100.
- + Phát triển diện tích không gian xanh đô thị, hợp lý về tỷ lệ và chủng loại cây, phân đầu đạt 3-4 m²/người.
- + Bảo tồn đa dạng sinh học rừng của thành phố.

c) Giai đoạn 2016-2020:

- + Tiếp tục hoàn thiện các mục tiêu ở giai đoạn 2007-2015, đảm bảo đạt được tất cả các tiêu chí thành phố môi trường, cụ thể: 100% nước thải công nghiệp và sinh hoạt được xử lý; 70% chất thải rắn được tái chế; 25% lượng nước được tái sử dụng.
- + Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đánh giá và công bố thành phố môi trường sau khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí.

II. Nội dung đề án

1. Giai đoạn từ năm 2008-2010

Giai đoạn trước mắt từ nay đến năm 2010 là giải quyết một cách cơ bản các điểm nóng về ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố, cụ thể:

- a) Môi trường không khí: Kiểm tra và xử lý triệt để đối với các nhà máy xí nghiệp có khí thải gây ô nhiễm như ngành sản xuất xi măng, sản xuất sắt thép: các cơ sở có lò nấu luyện phôi thép, khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch; Xã hội hóa trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh đô thị; Quy hoạch hệ thống quan trắc môi trường không khí tự động.
- b) Môi trường nước: Xử lý ô nhiễm môi trường nước tại các địa điểm như: Âu Thuyền Thọ Quang, nước rỉ rác ở bãi rác Khánh Sơn, hồ đầm Rong, nước thải đổ vào các bãi biển như bãi biển: Mỹ Khê, Thanh Bình; Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải công nghiệp cho khu công nghiệp: dịch vụ thủy sản Đà Nẵng, Hoà Khánh, Hòa Cầm,...
- c) Môi trường đất: Tăng cường công tác thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn độc hại; Phân loại rác thải tại nguồn; xây dựng và đưa vào vận hành: Các trạm trung chuyển phế thải xây dựng (xà bần), Trung tâm hỏa táng thành phố.

2. Giai đoạn từ năm 2011-2015:

2.1. Môi trường không khí:

- a) Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí tự động.
- b) Thực hiện giảm bụi do hoạt động giao thông gây ra.
- c) Phát triển mạng lưới giao thông vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

d) Thúc đẩy chuyển đổi sử dụng nhiên liệu sạch và giảm thiểu lượng thải khí ô nhiễm (nguồn di động và nguồn cố định).

e) Tiết kiệm năng lượng và sử dụng hợp lý nguồn nhiên liệu.

f) Phát triển các mô hình tái sử dụng năng lượng, khuyến khích sử dụng năng lượng tự nhiên như năng lượng gió, năng lượng mặt trời,...

g) Xây dựng và phát triển các dự án theo cơ chế phát triển sạch (CDM).

h) Bảo tồn đa dạng sinh học nhằm tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên.

i) Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn trồng rừng kinh tế, trồng rừng cảnh quan khai thác du lịch. Phân đấu đến năm 2010 trồng 8.000 ha rừng kinh tế. Đặc biệt, công tác trồng rừng đầu nguồn để phòng chống thiên tai.

j) Phát triển du lịch sinh thái, xây dựng và phổ biến nhân rộng các mô hình làng sinh thái.

k) Trồng cây xanh, đẩy mạnh xã hội hoá công tác chăm sóc và bảo vệ cây xanh.

2.2. Môi trường nước:

a) Xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng nước tự động.

b) Thực hiện quản lý, khai thác hợp lý và bảo vệ hồ, đầm.

c) Thực hiện quản lý các lưu vực sông: Sông Hàn, Cu Đê, Phú Lộc.

d) Thực hiện cấp nước sạch trên địa bàn thành phố.

e) Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước.

f) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ở tất cả các khu công nghiệp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do nước thải từ các khu công nghiệp.

g) Nâng cấp 04 trạm xử lý nước thải đô thị hiện có, xây dựng trạm xử lý nước thải đô thị tại Hoà Xuân, xây dựng hạ tầng thoát nước thải tại các quận Sơn Trà, Liên Chiểu, Cẩm Lệ.

h) Cải tạo môi trường sông Phú Lộc.

i) Hoàn thiện và xây dựng hệ thống xử lý nước thải hoàn chỉnh tại các cơ sở y tế trên toàn địa bàn thành phố.

2.3. Môi trường đất:

a) Quy hoạch quản lý chất thải rắn.

b) Xây dựng khu xử lý rác thải y tế tập trung.

c) Thực hiện quản lý xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp.

d) Phân loại rác thải tại nguồn, tái chế tái sử dụng chất thải rắn.

- e) Xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.
- f) Quản lý, sử dụng hợp lý thuốc bảo vệ thực vật nhằm hạn chế ô nhiễm đất.

2.4. Quản lý tổng hợp môi trường đô thị

- a) Phát triển các mô hình cụm dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp,... theo mô hình cộng đồng sinh thái, làng sinh thái.
- b) Xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.
- c) Triển khai Chương trình quản lý ô nhiễm công nghiệp.
- d) Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.
- e) Thực hiện "đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục thành phố".
- f) Xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường.
- g) Nâng cao nguồn lực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trong quá trình triển khai thực hiện đề án thành phố môi trường.
- h) Lồng ghép môi trường vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội
- i) Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường.
- j) Phát triển nông nghiệp sạch và thân thiện môi trường.

3. Giai đoạn từ năm 2016-2020: Tổng kết nội dung, nhiệm vụ triển khai đề án từ năm 2008 đến 2015 để đạt được các tiêu chí công bố “Xây dựng Đà Nẵng – thành phố môi trường”.

III. Dự kiến kinh phí thực hiện

- Kinh phí dự kiến triển khai thực hiện Đề án xây dựng “Đà Nẵng - thành phố môi trường”, từ các nguồn: Ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố, huy động vốn vay từ ODA và các tổ chức khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Ban hành kèm theo nội dung chi tiết đề án “xây dựng Đà Nẵng – thành phố môi trường”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

**ĐỀ ÁN
“Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường”**

MỞ ĐẦU

1. Bối cảnh trong và ngoài nước trong việc xây dựng thành phố môi trường:

Sau các hội nghị thượng đỉnh của Liên Hiệp Quốc (đặc biệt Hội nghị thượng đỉnh Trái đất- Rio 1992 và Hội nghị thượng đỉnh Thế giới – Johannesburg 2002), phát triển bền vững đã trở thành xu hướng phát triển chung trên phạm vi toàn cầu. Theo chiến lược này, sự phát triển của thế giới chuyển từ việc lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm sang sự phát triển hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Cho tới nay, có khoảng 6400 cấp địa phương của 120 quốc gia đã được xây dựng kế hoạch Agenda 21. Theo đó, phong trào xây dựng đô thị bền vững, đô thị thân thiện môi trường, hoặc đô thị sinh thái đã và đang được triển khai ở nhiều nước trên thế giới với nhiều tiêu chí khác nhau.

Thụy Điển được coi là quốc gia đầu tiên khởi xướng các chương trình môi trường và là quốc gia chú trọng đến việc bảo vệ môi trường thể hiện trong các chính sách, thông tin, công nghệ... Tại Nhật Bản, sáng kiến về “Thành phố sinh thái” được Bộ Thương mại và Công nghiệp quốc gia Nhật bản xây dựng vào năm 1997 dựa trên khái niệm “không phát thải” với mục tiêu thiết lập một xã hội phát sinh ít hoặc không có chất thải, tận dụng tối đa chất thải từ sinh hoạt hàng ngày như là nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp khác. Hiện nay, 26 “Thành phố sinh thái” đã được chính phủ Nhật bản phê duyệt và triển khai thực hiện.

Tại một số nước đang phát triển, việc xây dựng đô thị sinh thái cũng dựa trên khái niệm “không chất thải” và “không khí thải”. Vào năm 2005, hội thảo về đô thị sinh thái cho khu vực Châu Á Thái Bình Dương diễn ra tại Bangkok - Thái lan. Hội thảo này tập trung thảo luận các vấn đề: Quản lý chất thải để tái chế hoặc tái sử dụng, bảo tồn tài nguyên trong quá trình phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế và công nghiệp bền vững. Đồng thời xây dựng các hướng dẫn và đề xuất chiến lược thực hiện để xây dựng đô thị sinh thái ở khu vực Châu Á –Thái Bình Dương.

Ở nước ta, định hướng phát triển bền vững (Agenda 21 của Việt Nam) đã được Chính phủ ban hành vào năm 2004 và triển khai thực hiện thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2005 – 2010 của nhà nước cũng như các kế hoạch phát triển 5 năm của các ngành và địa phương.

Thành phố Đà Nẵng sẽ hướng đến xây dựng thành phố môi trường với các tiêu chí tương tự thành phố Viên tại Áo. Thành phố Viên được cộng đồng quốc tế thừa nhận là

thành phố có chất lượng cuộc sống đô thị tốt nhất. Các tiêu chí để thực hiện thành phố môi trường tại thành phố Viên được đặt ra bao gồm: Chất lượng môi trường không khí, chất lượng môi trường nước, công nghệ sạch, thu gom và xử lý chất thải triệt để, nhiều cây xanh, ... Ví dụ, thành phố đã đạt được một số kết quả đáng lưu ý sau khi thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế về ô nhiễm môi trường: 98% số hộ dân có nước thải nối vào cống thành phố; về rác thải: 30% được tái chế, 50% được đốt tại nhà máy xử lý, 10% sử dụng để sản xuất phân vi sinh và chỉ có 10% được chôn lấp tạo bãi rác. 100% nhà máy sử dụng công nghệ sản xuất sạch.

2. Sự cần thiết phải xây dựng đề án:

Công tác chỉnh trang đô thị, cùng với việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá trên toàn địa bàn thành phố đã ảnh hưởng lớn đến môi trường và các hệ sinh thái. Nhu cầu bảo tồn tài nguyên thiên nhiên cho môi trường phát triển bền vững, phấn đấu tiến kịp các thành phố trong khu vực ASEAN về phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân thành phố đang đứng trước nhiều thách thức to lớn, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Đà Nẵng cần phải định hướng phát triển thành phố theo hướng bền vững.

Phát triển bền vững là nhu cầu cấp bách và xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, vì vậy đã được các quốc gia trên thế giới đồng thuận xây dựng thành Chương trình nghị sự cho từng thời kỳ phát triển của lịch sử. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển được tổ chức năm 1992 ở Rio de Janeiro (Braxin), 179 nước tham gia Hội nghị đã thông qua Tuyên bố Rio de Janeiro về môi trường và phát triển bao gồm 27 nguyên tắc cơ bản và Chương trình nghị sự 21 về các giải pháp phát triển bền vững chung cho toàn thế giới trong thế kỷ 21. Chính phủ Việt Nam đã cử các đoàn cấp cao tham gia các Hội nghị nói trên và cam kết thực hiện phát triển bền vững.

Phát triển bền vững dựa trên ba yếu tố cấu thành là kinh tế, xã hội và môi trường. Phát triển bền vững là xu hướng chung của thế giới, các quốc gia châu Á và Nhà nước ta. Trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2015, việc đẩy mạnh bảo vệ môi trường lên ngang bằng với phát triển kinh tế, xã hội là điều rất cần thiết, nhằm tạo sự cân bằng bền vững trong quá trình phát triển thành phố từ nay về sau.

Từ những phân tích, đánh giá về thực trạng các vấn đề môi trường, những thành tựu cũng như tồn tại trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường của thành phố trong những năm qua cho thấy, thành phố đang đứng trước nhiều thách thức và áp lực to lớn do nhiều vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và đô thị hoá của thành phố. Do vậy, nhằm đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội thành phố theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương tại Nghị quyết 33/NQ-TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, đồng thời đáp ứng định hướng phát triển du lịch và dịch vụ sau năm 2010 của thành phố và các yêu cầu về bảo vệ môi trường ngày càng cao của xã hội, Đà Nẵng cần phải định hướng phát triển thành phố theo hướng bền vững.

Do vậy, việc xây dựng đề án "*xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường*" là một nhu cầu cấp bách của sự phát triển thành phố trong thời gian đến năm 2020 nhằm thực hiện theo hướng phát triển bền vững, đồng thời đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân.

PHẦN I CƠ SỞ KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

1.1. Phát triển bền vững:

Khái niệm "*phát triển bền vững*" xuất hiện trong phong trào bảo vệ môi trường từ những năm đầu của thập niên 70 của thế kỷ 20. Năm 1987, trong Báo cáo "Tương lai chung của chúng ta" của Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên hợp quốc, "phát triển bền vững" được định nghĩa "*là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau*".

Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển tổ chức ở Rio de Janeiro (Braxin) năm 1992 và Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002 đã xác định "*phát triển bền vững*" là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: *phát triển kinh tế, phát triển xã hội* và *bảo vệ môi trường*.

1.2. Thành phố sinh thái

Thuật ngữ "*thành phố sinh thái*" xuất hiện đầu tiên ở tác phẩm "Thành phố sinh thái Berkely" của Richard Register (Mỹ) năm 1987, nó được đề cập dựa vào ý nghĩa của sự phát triển bền vững. Đến năm 2005, tác giả Gaffron và các cộng sự đã đưa ra khái niệm thành phố sinh thái như sau: *Thành phố sinh thái là một thành phố phải cân bằng với môi trường thông qua việc tiết kiệm không gian; sử dụng năng lượng một cách hiệu quả; đồng thời kết hợp với giao thông, dòng nguyên liệu và chất thải, vòng tuần hoàn nước và cấu trúc xây dựng của các khu dân cư* (Thành phố sinh thái: Một nơi tốt hơn để sống, 2005).

Khái niệm thành phố sinh thái thường được sử dụng để xây dựng lại các thành phố nhằm hướng đến sự thân thiện với môi trường và định hướng phát triển bền vững tại phần lớn các nước Châu Âu và Châu Mỹ. Riêng tại Nhật Bản, khái niệm *đô thị sinh thái* và *làng sinh thái* thường được sử dụng hơn cả và việc áp dụng những khái niệm này đã trở thành những công cụ quy hoạch đô thị và quản lý môi trường nhằm đẩy mạnh sự tận dụng tài nguyên thiên nhiên, quản lý chất thải, bảo tồn môi trường sống và thúc đẩy phát triển công nghiệp và kinh tế. Bên cạnh đó, khái niệm *cộng đồng bền vững* đã được sử dụng tại Anh trong những năm 90 và khái niệm *thành phố công viên* đã được dùng tại Singapore từ năm 1968.

1.3. Thành phố môi trường

Thành phố môi trường là nơi không bị ô nhiễm, suy thoái môi trường, là nơi con người sống hài hoà với tự nhiên.

Từ khái niệm thành phố môi trường nêu trên và trên cơ sở khả năng điều kiện của thành phố Đà Nẵng, mô hình thành phố môi trường mà Đà Nẵng hướng đến trong tương lai là thành phố thân thiện môi trường đảm bảo các yêu cầu về chất lượng môi trường đất, chất lượng môi trường nước, chất lượng môi trường không khí, ngoài ra còn quan tâm đến thu gom và xử lý chất thải rắn, không gian xanh đô thị.

II. TỔNG QUAN VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI

2.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1. Vị trí địa lý

Đà Nẵng nằm ở 15⁰55'20" đến 16⁰14'10" vĩ tuyến Bắc, 107⁰18'30" đến 108⁰20'00" kinh tuyến Đông, là thành phố cảng biển lớn nhất miền Trung và lớn thứ tư cả nước. Phía Bắc thành phố giáp tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Nam và Tây giáp tỉnh Quảng Nam, phía Đông giáp biển Đông.

Nằm ở trung độ của đất nước, trên trục giao thông Bắc - Nam về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, là trung tâm của ba di sản văn hoá thế giới: Cố đô Huế, Phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn. Trong phạm vi khu vực và quốc tế, Đà Nẵng là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanma đến các nước vùng Đông Bắc Á thông qua Hành lang kinh tế Đông Tây. Nằm ngay trên một trong những tuyến đường biển và đường hàng không quốc tế, thành phố Đà Nẵng có một vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng và bền vững.

2.1.2. Điều kiện tự nhiên

a) Địa hình: Địa hình thành phố Đà Nẵng vừa có đồng bằng vừa có núi, vùng núi cao và dốc tập trung ở phía Tây và Tây Bắc, từ đây có nhiều dãy núi chạy dài ra biển, một số đồi thấp xen kẽ vùng đồng bằng ven biển hẹp.

b) Khí hậu: Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, nhiệt độ cao và ít biến động. Mỗi năm có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa kéo dài từ tháng 8 đến tháng 12 và mùa khô từ tháng 1 đến tháng 7, thỉnh thoảng có những đợt rét mùa Đông nhưng không đậm và không kéo dài. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25,9°C. Độ ẩm không khí trung bình là 83,4%. Lượng mưa trung bình hàng năm là 2.504,57 mm. Số giờ nắng bình quân trong năm là 2.156,2 giờ.

c) Thủy văn: Hệ thống sông ngòi ngắn và dốc, bắt nguồn từ phía Tây, Tây Bắc và tỉnh Quảng Nam. Mạng lưới sông ngòi Đà Nẵng phần lớn thuộc hạ lưu sông Vu Gia - Thu Bồn. Hệ thủy văn này là nguồn cung cấp nước ngọt chính cho nhu cầu sử dụng của Đà Nẵng.

2.2. Tài nguyên thiên nhiên

a) Tài nguyên nước:

Nguồn nước cung cấp cho thành phố Đà Nẵng chủ yếu từ các sông Cu Đê, Cẩm Lệ, Cầu Đỏ, Vĩnh Điện, tuy nhiên nguồn nước này bị hạn chế do ảnh hưởng của thủy triều (vào mùa khô, tháng 5 và 6). Các tháng khác nhìn chung đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân. Nước ngầm của vùng khá đa dạng, các khu vực có triển vọng khai thác là nguồn nước ngầm tiếp đá vôi Hoà Hải-Hoà Quý ở chiều sâu tầng chứa nước 50-60m; khu Hoà Khánh có nguồn nước ở độ sâu 30-90m.

b) Tài nguyên đất:

Diện tích toàn thành phố Đà Nẵng là 1.256,54 km² (năm 2006) với các loại đất: cồn cát, đất cát ven biển, đất mặn, đất phèn, đất phù sa, đất xám bạc màu, đất đen, đất đỏ vàng, đất mùn đỏ vàng, đất thung lũng và đất xói mòn trơ sỏi đá. Quan trọng là đất phù sa ở vùng đồng bằng ven biển thích hợp với thâm canh lúa, trồng rau và hoa quả ven đô; đất đỏ vàng ở vùng đồi núi thích hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản, dược liệu, chăn nuôi gia súc và có kết cấu vững chắc thuận lợi cho việc bố trí các cơ sở công trình hạ tầng kỹ thuật.

c) Tài nguyên rừng:

Diện tích đất lâm nghiệp thành phố đến năm 2007 là 60.998,7 ha, chiếm diện tích lớn nhất (48,5%) trong tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố. Đất rừng tự nhiên tập trung chủ yếu phía tây huyện Hoà Vang, một số ít ở quận Liên Chiểu, Sơn Trà. Đất rừng trồng có ở hầu hết các quận, huyện trong thành phố nhưng tập trung chủ yếu vẫn là huyện Hoà Vang, quận Liên Chiểu và Ngũ Hành Sơn. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45%, phân bố chủ yếu ở nơi có độ dốc lớn, địa hình phức tạp.

d) Tài nguyên và ven biển:

Đà Nẵng có bờ biển dài khoảng 70 km, có vịnh nước sâu với cửa biển Liên Chiểu, Tiên Sa, có vùng lãnh hải thềm lục địa với độ sâu 200m từ Đà Nẵng trải ra 125 km tạo thành vành đai nước nông rộng lớn thích hợp cho phát triển kinh tế tổng hợp biển và giao lưu với nước ngoài. Bờ biển có nhiều bãi tắm đẹp như bãi Non Nước, Mỹ Khê, Nam Ô với nhiều cảnh quan thiên nhiên kỳ thú, có giá trị lớn cho phát triển du lịch và nghỉ dưỡng.

Khả năng phát triển kinh tế thủy hải sản của thành phố lớn, vùng biển Đà Nẵng có trữ lượng hải sản lớn, khả năng hàng năm khoảng 60-70 nghìn tấn. Sản lượng khai thác trung bình hàng năm đạt trên 30 nghìn tấn, chủ yếu là cá nổi ven bờ. Thành phố còn có hơn 670ha mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản, tạo điều kiện tốt để xây dựng vùng nuôi cá nước ngọt tại các xã Hoà Khương, Hoà Phong, Hoà Liên, Hoà Sơn thuộc huyện Hoà Vang.

đ) Tài nguyên du lịch và di sản văn hoá:

Thành phố Đà Nẵng là một trong những trung tâm du lịch của cả nước, có tiềm năng du lịch phong phú gồm các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn. Đà Nẵng có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng như đèo Hải Vân, Nam Ô, Xuân Thiều, bán đảo Sơn Trà, Bà Nà Núi Chúa, Ngũ Hành Sơn, các bãi tắm Mỹ Khê, Non Nước được tạp chí Forbes bình chọn là một trong sáu bãi biển đẹp và hấp dẫn nhất hành tinh, Bảo tàng Chăm với di sản Chăm gắn với các di sản văn hoá thế giới như: phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, cố đô Huế và các thành phố duyên hải miền Trung. Rất thuận tiện có việc phát triển đa dạng các loại hình du lịch như: du lịch nghỉ mát, tham quan, nghiên cứu văn hoá.

2.3. Tình hình phát triển kinh tế

* Tình hình phát triển các ngành và lĩnh vực giai đoạn 2000 -2007

a) Nông nghiệp: Trong những năm qua nông nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 1997-2007 đạt bình quân 4,9%/năm và trong thời kỳ 2001-2005, tăng bình quân 5,9%/năm. Cơ cấu ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng trong cơ cấu GDP, năm 1997 GDP ngành nông nghiệp chiếm 9,7% tổng GDP toàn thành phố, đến năm 2000 giảm xuống còn 7,9% và 3,9% năm 2007. Cơ cấu nội bộ ngành cũng đã chuyển dịch đáng kể theo hướng tích cực, phù hợp với định hướng phát triển của thành phố: tỷ trọng giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng từ 42,8% năm 1997 lên 63,5% năm 2007, tốc độ tăng bình quân đạt 10%/năm.

b) Công nghiệp và Xây dựng: Giai đoạn 1997-2007, tốc độ tăng trưởng GDP công nghiệp - xây dựng đạt 12,5%/năm và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong GDP toàn thành phố. Năm 1997 ngành công nghiệp xây dựng đạt 928,8 tỷ đồng (giá so với năm 1994), đến năm 2000 là 1.347,9 tỷ đồng, tăng gấp 1,45 lần năm 1997 và năm 2007 là 3.614,9 tỷ đồng, tăng gấp 3,9 lần.

c) Dịch vụ:

Đà Nẵng có vị thế thuận lợi để phát triển đa dạng, phong phú và có chất lượng các loại hình dịch vụ. Các ngành dịch vụ của thành phố ngày càng phát triển đa dạng, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng kinh tế của thành phố và từng bước đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Tỷ lệ đóng góp của các ngành dịch vụ trong GDP của thành phố luôn đạt xấp xỉ 45% trở lên với tốc độ tăng trưởng GDP dịch vụ bình quân giai đoạn 1997-2007 là 10,1%/năm. Tốc độ tăng giá trị sản xuất dịch vụ bình quân thời kỳ 1997-2007 đạt 10,5%/năm, giai đoạn kế hoạch 2001-2005 là 11,4% (kế hoạch đề ra: 12-13%).

Cơ cấu tổng sản phẩm quốc nội trên địa bàn thành phố thuộc khối dịch vụ cho thấy, ngành thương mại chiếm tỷ trọng 31,1% năm 1997, tăng lên 36,7% năm 2000 và giảm còn 27% năm 2007. Theo thứ tự mức thời gian trên, lĩnh vực du lịch, khách sạn nhà hàng là: 13,2%-12,3% và 26,7%; lĩnh vực vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc là: 13,6%-13,9% và 11,7%.

Thương mại là lĩnh vực phát triển nhanh và khá toàn diện. Tỷ trọng GDP thương mại luôn chiếm trên 25% tổng GDP khối dịch vụ. Hoạt động nội thương sôi nổi và đa dạng, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng từ 2.634 tỷ đồng năm 1997 lên 13.800 tỷ đồng năm 2007, tăng gấp 5,2 lần và tăng bình quân 16,1%/năm, bước đầu đảm nhận vai trò trung tâm dịch vụ, du lịch, thương mại, ... của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

2.4. Tình hình phát triển xã hội

2.4.1. Dân số, dân tộc và các quần cư:

Giai đoạn từ nay đến năm 2010, dân số Đà Nẵng vẫn tăng với nhịp độ trung bình khoảng 1,2% mỗi năm. Đó là chưa kể sự di dân tự do từ nông thôn ra thành thị. Điều này có thể dẫn đến:

Tăng nhu cầu về dùng nước sạch, chăm sóc sức khoẻ và điều kiện sống, đặc biệt là nhà ở. Đất đô thị và giao thông tăng khoảng 100ha/năm, gần như tỷ lệ thuận với sự gia tăng dân số.

Tăng nhu cầu về việc làm: Từ nay đến năm 2010 mỗi năm ước tính phải giải quyết việc làm cho từ 22 đến 25 ngàn lao động.

Tăng chất thải ra môi trường: Dự báo đến năm 2010 lượng chất thải từ khu vực đô thị của thành phố sẽ gia tăng từ 1-2 lần.

Làm nảy sinh một số vấn đề quan hệ xã hội phức tạp như an ninh trật tự, tệ nạn xã hội, tình trạng quá tải trong sử dụng các công trình hạ tầng cơ sở.

2.4.2. Giáo dục và đào tạo:

Toàn thành phố hiện có 351 cơ sở; trong đó, có 112 trường mầm non, 100 trường tiểu học, 51 trường trung học cơ sở, phổ thông cơ sở, 20 trường THPT, 8 trung tâm giáo dục thường xuyên, GDTX-HN, KTTHHN-DN, 8 trường TCCN địa phương, 52 trung tâm tin học, ngoại ngữ và nghiệp vụ với gần 240.000 lượt học sinh.

Giáo dục - Đào tạo giữ vai trò rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục môi trường. Thông qua lực lượng khá đông (tổng số cán bộ, giáo viên, công nhân viên trên 10.000 người, tổng số học sinh tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp - dạy nghề, cao đẳng khoảng 170.000 người, chiếm tỉ lệ khoảng 1/5 dân số thành phố) có thể tác động đến các thành viên khác trong gia đình một cách tích cực và đa số gia đình cùng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

Giáo dục môi trường trong trường học tác động rất lớn đến việc hình thành nhân cách, hành vi của học sinh hiện tại và tư cách công dân tương lai. Môi trường trường học xanh - sạch - đẹp ảnh hưởng tích cực đến môi trường chung quanh.

2.4.3. Y tế và sức khỏe:

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thành phố được thực hiện thông qua hệ thống y tế, gồm 07 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa; 05 TTYT quận,

huyện, các trung tâm y tế chuyên ngành TT. Chăm sóc Sức khỏe sinh sản, TT. Răng hàm mặt, TT. Cấp cứu 05, TT. Y tế Dự Phòng, 56 trạm y tế xã, phường và hơn 100 trạm y tế cơ quan, ... Tại thành phố còn có 04 bệnh viện TW, ngành; có 4 bệnh viện tư nhân và trên 800 cơ sở tư nhân hành nghề y dược tư nhân;

Với hệ thống y tế như đã nêu trên, vấn đề xử lý triệt để chất thải là vấn đề trọng tâm đang được chú ý nhất hiện nay.

Về xử lý rác thải y tế: Toàn thành phố hiện nay có 04 lò đốt: 01 của Bệnh viện 199 và 01 của Bệnh viện Da liễu, 01 của Bệnh viện Đà Nẵng và lò đốt rác thải y tế tập trung tại bãi rác Khánh Sơn. Các Bệnh viện đã thực hiện phân loại, thu gom, rác theo Quyết định số 2575/1999/QĐ-BYT ngày 27/8/1999 của Bộ trưởng Bộ Y tế và hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng vận chuyển và xử lý rác tại bãi rác Khánh Sơn. Ước tính lượng rác thải y tế hiện nay mỗi ngày khoảng 600kg.

Về xử lý nước thải: Tổng lượng nước thải tại các cơ sở khám chữa bệnh ước tính: 90.000 m³/tháng. Hiện có 11/21 Bệnh viện và bệnh viện đa khoa quận, huyện không có hệ thống xử lý nước thải, chiếm tỷ lệ: 57,14 %. Nước thải được thải vào hệ thống cống chung của thành phố.

2.4.4. Tình hình phát triển cơ sở hạ tầng

a) Hệ thống giao thông:

Quốc lộ 1A: Là tuyến đường chạy dọc Bắc Nam, đoạn qua thành phố dài 38,2km đóng vai trò hàng đầu trong giao lưu liên tỉnh.

Quốc lộ 14B: Là tuyến đường chạy theo hướng Đông Tây qua Đà Nẵng dài 32,8km. Lưu lượng bình quân trên 3.000 xe/ngày đêm.

Trong những năm gần đây một số tuyến đường được xây dựng mới, cải tạo nâng cấp đồng bộ theo tiêu chuẩn đường đô thị làm thay đổi diện mạo đô thị, góp phần chỉnh trang đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của thành phố. Tuy nhiên, số lượng tuyến đường được cải tạo nâng cấp còn chiếm tỷ lệ thấp, một số tuyến đã quá niên hạn đại tu cần phải cải tạo, nâng cấp.

Giao thông đường thủy: Đà Nẵng có điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển hệ thống cảng biển và dọc sông Hàn.

Đường hàng không: Sân bay Đà Nẵng có vị trí quan trọng trong hệ thống sân bay dân dụng của Việt Nam: là sân bay dự bị cho Tân Sơn Nhất, Nội Bài trên các chuyến bay quốc tế đi đến Việt Nam, là điểm trợ giúp quản lý điều hành bay, cung ứng dịch vụ không lưu cho các tuyến bay quốc tế Đông Tây qua Việt Nam.

Đường sắt: Đường sắt quốc gia qua địa bàn thành phố dài khoảng 40km, là đoạn đường có nhiều yếu tố kỹ thuật hạn chế, nhiều đoạn cong có bán kính nhỏ hơn 100m.

b) Hệ thống điện, nước:

Đà Nẵng nhận điện từ nhà máy thủy điện Hòa Bình qua đường dây siêu cao áp 500 KV Bắc-Nam, lượng điện này đáp ứng được nhu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nhân dân. Hiện tại, thành phố đang đầu tư thêm cho việc mở rộng và đổi mới hệ thống lưới dẫn điện này. Tính đến cuối năm 2000, số nhân khẩu được sử dụng nước sạch là 276.041 người, đạt tỷ lệ 38,18% dân số; trong đó: khu vực thành thị là 266.514 người, tỷ lệ 46,72%; khu vực nông thôn là 9.527 người, đạt tỷ lệ 6,25%.

c) Hệ thống tiêu thoát nước đô thị:

Phần lớn nước mưa và nước thải trong thành phố đều thoát ra vịnh Đà Nẵng; một phần nước thoát ra biển Đông. Hiện nay trên địa bàn thành phố nhiều khu vực không có hệ thống thoát nước tiêu khu. Vào mùa mưa, tình trạng ngập úng xảy ra thường xuyên do khả năng thoát nước rất kém ở nhiều khu vực nội thị, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường.

d) Cây xanh đô thị:

Cây xanh có vai trò rất lớn trong bảo vệ môi trường, tuy nhiên đến nay số lượng cây xanh đường phố trong khu vực nội thành giảm nhanh chóng do thiên tai, chặt phá phục vụ quy hoạch chỉnh trang đô thị hoặc chặt phá không đúng chủng loại. Đến năm 2007, ở Đà Nẵng có khoảng 29.921 cây xanh đường phố, 335.315m² thảm cỏ, thảm hoa, tỷ lệ cây xanh đô thị của Đà Nẵng chỉ đạt 2,2m²/người (bao gồm cây xanh đường phố, công viên, cây xanh trong các trụ sở cơ quan, trường học, nhà vườn...khu vực nội thành), tính riêng cây xanh đường phố, tỷ lệ cây xanh trên đầu người chỉ đạt 0,63m²/người. Trong những năm gần đây, thành phố đã đầu tư rất lớn cho hoạt động cây xanh, song vẫn chưa kịp để đáp ứng với yêu cầu cho một đô thị loại I và đạt tiêu chuẩn thành phố môi trường. Ý thức của người dân trong việc bảo vệ cây xanh đô thị còn ở mức thấp, tỷ lệ cây xanh đô thị trên đầu người còn rất thấp, chưa chú trọng đến hoạt động xã hội hoá công tác trồng và chăm sóc cây xanh.

III. TÌNH HÌNH MÔI TRƯỜNG

1. Chất lượng môi trường

Nhìn chung, chất lượng môi trường thành phố Đà Nẵng trong 10 năm qua có nhiều chuyển biến tích cực, song cũng tồn tại những vấn đề môi trường chưa được giải quyết triệt để, cục bộ còn ô nhiễm, nảy sinh những điểm ô nhiễm mới và dự báo sẽ có nguy cơ ô nhiễm cao do tốc độ đô thị hoá nhanh.

1.1. Môi trường nước

a) Nước sông:

Chất lượng nước sông Hàn, sông Cu Đê đã bắt đầu có dấu hiệu bị ô nhiễm (như ô nhiễm coliform, nitơ, dầu mỡ) và thường bị nhiễm mặn vào mùa hè. Chất lượng nước sông Phú Lộc bị ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt là các thông số vi sinh vật, kim loại nặng.

+ Sông Hàn: Nước sông Hàn đã có biểu hiện ô nhiễm coliform trên toàn lưu vực (trừ vị trí ngã ba cầu Tuyên Sơn), có những thời điểm hàm lượng coliform rất cao, mật độ coliform vượt tiêu chuẩn và mức độ vượt trung bình hàng năm dao động từ 1 ÷ 13 lần. Ngoài ra, tình trạng nhiễm mặn hàng năm trên hệ thống sông này cần phải lưu ý. Độ mặn trung bình đo được tại một số điểm vào mùa khô trung bình nhiều năm từ 2,0‰ ÷ 3,8‰. Từ năm 1998 đến nay, tình trạng nhiễm mặn nước sông thường xảy ra vào các tháng mùa khô trên diện rộng ở hạ lưu các con sông dẫn đến tình trạng thiếu nước ngọt cung cấp cho khu vực nội thị.

+ Sông Cu Đê: Chất lượng nước sông Cu Đê tại khu vực hạ lưu đã bắt đầu ô nhiễm và ngày càng trở nên nghiêm trọng do nước thải của các KCN: Hoà Khánh, Hoà Khánh mở rộng, Liên Chiểu và Cụm CN Thanh Vinh chưa được xử lý thải trực tiếp vào khu vực này (khoảng 10.000 m³/ngày đêm). Kết quả quan trắc chất lượng nước sông Cu Đê có rất nhiều thông số vượt tiêu chuẩn cho phép, cụ thể: dầu mỡ vượt từ 3 ÷ 10 lần, chất dinh dưỡng (NO₂⁻, NH₄⁺, NO₃⁻) vượt từ 1 ÷ 18 lần, vi sinh vật (coliform) vượt từ 1 ÷ 24 lần, đột biến tăng 386 lần (năm 2006) và kim loại nặng vượt từ 1 ÷ 10 lần.

+ Sông Phú Lộc: Mức độ ô nhiễm tại hạ lưu sông Phú Lộc là rất lớn, cụ thể có 2 đoạn tại hạ lưu bị ô nhiễm nặng bao gồm đoạn sông nối với cống đường Điện Biên Phủ đến đoạn nối với cống Thái Nê; đoạn sông nối với cống Thái Nê ra đến gần cửa sông. Nước sông bị ô nhiễm nặng, đồng thời phát sinh mùi hôi và ảnh hưởng xấu đến nhân dân sinh sống ven sông nhất là nhân dân phường Thanh Khê Tây và phường Thanh Khê Đông. Nước sông bị ô nhiễm nặng, đặc biệt đoạn giữa cửa sông là nơi có 02 cửa xả lớn (cống Thái Nê và cống từ đường Điện Biên Phủ) giá trị BOD biến đổi từ 26-98 mg/l, COD là từ 39,9-135 mg/l. Ngoài ra chỉ tiêu nitơ như amoniac điều cao từ 4,84 đến 11,6 mg/l, tổng coliform rất cao 4600-10200 MPN/100ml. Các chỉ tiêu đo đặc hầu như vượt xa TCVN 5942-1995 (B). Kết quả quan trắc vào ngày 16/6/2005 và vào ngày 08/12/2006 cho thấy N-NH₄ hầu hết các điểm trên sông đều vượt tiêu chuẩn từ 1,68-7,65 lần, dầu mỡ vượt từ 3,3-16,7 lần, phenol vượt từ 1,2-3,5 lần. Hàm lượng nitơ cao là nguyên nhân gây ra hiện tượng phú dưỡng trên đoạn sông làm cho nước có màu xanh và mùi hôi. Nguyên nhân gây ô nhiễm nước sông và phát sinh mùi hôi là do: Nước sông phải tiếp nhận một lượng lớn nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý từ lưu vực có diện tích 800 ha, thông qua 05 tuyến mương thoát nước thải sinh hoạt; Nước thải từ bãi rác Khánh Sơn; Nước thải của các cơ sở sản xuất, trung tâm y tế trên địa bàn quận Thanh Khê; Sự lấn chiếm lòng sông của một số hộ dân cư 02 ven bờ làm ảnh hưởng đến cảnh quan, vệ sinh môi trường; Cửa xả của sông bị bồi lấp gây ảnh hưởng đến dòng chảy của sông, làm nước sông bị tù đọng phát sinh mùi hôi.

b) Nước biển ven bờ:

Chất lượng nước biển ven bờ nhìn chung còn tốt, tuy vậy có một số vị trí gần các cống thải nước thải sinh hoạt tại khu vực Vịnh Đà Nẵng bị ô nhiễm coliform tương đối cao, điển hình là khu vực bãi tắm thuộc phường Thanh Bình. Kết quả quan trắc hàng năm cho thấy nhiều khu vực ô nhiễm rất cao như bãi tắm Thanh Bình, Cảng cá Thuận

Phước, bãi tắm Xuân Thiều (cao nhất là tại Thanh Bình, cảng cá Thuận Phước (125 lần) năm 2002).

c) Nước hồ:

Thành phố Đà Nẵng có 42 hồ đầm nằm rải rác trên địa bàn 7 quận, huyện, với tổng diện tích nước mặt khoảng 1,8 triệu m³, dung tích chứa tối đa khoảng 3,3 triệu m³. Các hồ này phân bố không đều trong phạm vi thành phố, tập trung vào một số quận huyện như Hải Châu, Thanh Khê, Hoà Vang, Liên Chiểu. Trong số các hồ ở nội thành, hồ Bàu Tràm thuộc quận Liên Chiểu chiếm đến trên 46% tổng diện tích, 15 hồ có diện tích trên 5.000m², còn lại là các hồ nhỏ hơn.

Nhìn chung, tất cả các hồ, đầm đến nay vẫn chưa được khai thác, sử dụng và bảo vệ hợp lý nên tình trạng ô nhiễm vẫn xảy ra liên tục, nhất là thời điểm trước năm 2006, có nơi ô nhiễm đến mức báo động và diễn biến ô nhiễm thay đổi theo mùa. Chất lượng nước hồ, đầm trong 10 năm qua được đánh giá như sau:

- Các hồ đầm trong khu vực nội thành bị ô nhiễm bởi chất hữu cơ (BOD₅, COD), mức độ vượt tiêu chuẩn từ 1÷3 lần.

- Từ năm 2001 - 2005, các hồ: Thạch Gián - Vĩnh Trung, Tràm, Đầm Rong và hồ Công Viên 29/3 bị ô nhiễm NH₄ và NO₃ khá cao. Trong 02 thông số quan trắc (NH₄ và NO₃), nồng độ NH₄ cao hơn, mức vượt tiêu chuẩn trung bình từ 1 ÷ 29 lần. Đầm Rong là hồ có nồng độ ô nhiễm dinh dưỡng cao nhất trong vòng nhiều năm nay, mức vượt của NH₄ tại điểm đầu ra của hồ Đầm Rong dao động trong khoảng 12 ÷ 18 lần, đến nay mức độ ô nhiễm chất dinh dưỡng cũng còn ở mức khá cao, chưa có xu hướng giảm.

- Nước hồ bị ô nhiễm bởi dầu mỡ khá cao, tuy nhiên nồng độ dầu mỡ không ổn định ở các hồ, thời gian xuất hiện từ năm 1997 - 2002 với mức độ vượt lên đến 15 lần, đến nay không xuất hiện hoặc xấp xỉ so với tiêu chuẩn quy định.

- Ô nhiễm vi sinh vật (coliform) tại các hồ ở mức cao. Từ năm 1997 - 2002, mức độ ô nhiễm vi sinh vật rất cao, đặc biệt năm 1999 tại Đầm Rong, hàm lượng coliform vượt cực đại (371.921 lần), đây là hồ tiếp nhận nước thải đô thị nhiều nhất của thành phố hiện nay. Những năm gần đây tình hình ô nhiễm vi sinh vật có xu hướng giảm.

Khu vực Âu thuyền Thọ Quang là lưu vực giao thoa giữa đoạn cuối sông Hàn và Vịnh Đà Nẵng. Trong những năm gần đây, khu vực Âu Thuyền Thọ Quang bắt đầu có dấu hiệu ô nhiễm và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là nước thải từ KCN DVTS Đà Nẵng xử lý chưa đạt tiêu chuẩn môi trường thải trực tiếp vào Âu Thuyền Thọ Quang.

d) Nước ngầm:

Nước ngầm nhiều khu vực bị ô nhiễm cục bộ như Hoà Khánh, Ngũ Hành Sơn, Cẩm Lệ. Ngoài ra, hầu hết nước ngầm trên địa bàn thành phố bị ô nhiễm vi sinh, mức độ ô nhiễm rất cao, coliform vượt tiêu chuẩn từ 2 đến 558 lần. Đặc biệt, tại 02 khu vực

đường Trần Cao Vân quận Thanh Khê và thôn Đông Hoà xã Hoà Châu quận Cẩm Lệ, nhiều thời điểm coliform vượt tiêu chuẩn đột biến có lúc lên đến 36.666 lần.

Đáng lưu ý nhất là nước thải công nghiệp, ước khoảng 40.000m³/ngày đêm, trong số 07 khu công nghiệp chỉ có KCN Hoà Khánh có hệ thống xử lý tập trung với công suất 5.000m³/ngày đêm. Phần lớn lượng nước thải còn lại xử lý chưa đạt yêu cầu hoặc không xử lý là rất lớn đổ trực tiếp ra các sông, biển, hồ của thành phố.

1.2. Môi trường không khí

Chất lượng môi trường không khí trong khu vực nội thành một số nơi bị ô nhiễm, cụ thể là các điểm giao thông ô nhiễm bụi khá cao vượt TCVN 5937-2005 từ 2-3 lần, tại Ngã Ba Huế có dấu hiệu ô nhiễm CO và có xu hướng gia tăng trong các năm gần đây; các đường phố chính nồng độ bụi và độ ồn vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1-2 lần. Tại khu vực dân cư ô nhiễm chủ yếu là tiếng ồn, độ ồn cao hơn ở các điểm giao thông. Lưu ý nhất là môi trường không khí ở lân cận các KCN Hoà Khánh, Liên Chiểu và dịch vụ thủy sản Đà Nẵng đang có xu hướng gia tăng về mức độ ô nhiễm. Khí thải của các nhà máy trong các KCN chưa xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu xả thải trực tiếp gây ô nhiễm môi trường, điều kiện môi trường lao động chưa thật sự đảm bảo. Bụi tại các khu vực lân cận KCN Hoà Khánh, Liên Chiểu luôn vượt tiêu chuẩn TCVN 5937-1995 trung bình từ 1-9 lần. Khí thải, mùi hôi của các nhà máy chế biến thủy sản trong khu dân cư, làng nghề gây ô nhiễm môi trường cục bộ cũng đang là vấn đề đáng quan tâm hiện nay.

1.3. Môi trường đất

Thành phố Đà Nẵng có 8 loại đất, gồm đất cồn cát, cát biển, đất mặn, đất phèn, đất phù sa, đất mùn đỏ trên núi, đất dốc tụ và đất xói mòn. Tổng diện tích đất tự nhiên là 125.654,37 ha, trong đó huyện đảo Hoàng Sa chiếm 30.500 ha. Các nhóm đất có giá trị cho hoạt động nông nghiệp là đất phù sa, đất đỏ vàng, đất dốc tụ.

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng và tình trạng đô thị hoá ở tốc độ cao trong những năm gần đây ở Đà Nẵng không những làm thay đổi diện tích các loại đất trên mà còn ảnh hưởng đến các tính chất vật lý và hoá học của đất. Những tác động về vật lý như xói mòn, khai thác khoáng sản, sản xuất, san lấp để xây dựng... Tác động về mặt hóa học bao gồm: chất thải rắn quản lý không tốt, nước thải, khí thải và đặc biệt là chất thải nguy hại. Các chất thải có thể được tích lũy trong đất trong thời gian dài gây ra nguy cơ tiềm tàng đối với môi trường, trực tiếp gây ô nhiễm nước ngầm tầng nông nguy cơ đe dọa đến sức khoẻ con người.

Ở Đà Nẵng, trong những năm qua tình trạng ô nhiễm đất xảy ra ở một vài nơi. Điển hình là đất nông nghiệp thuộc HTX nông nghiệp Hoà Hiệp thường bị ô nhiễm do nước thải từ KCN Hoà Khánh; Đất ở khu vực dân cư gần bãi rác Khánh Sơn bị ô nhiễm do nước rỉ từ bãi rác; Chất độc hóa học tồn lưu từ thời chiến tranh gây ô nhiễm nặng đất ở khu vực ven sân bay Đà Nẵng; Dầu thải từ các kho xăng dầu, các cơ sở cán kéo sắt thép, các cửa hàng xăng dầu và các trạm rửa xe, bảo hành xe ô tô, xe máy,... cũng góp phần làm ô nhiễm đất.

2. Công tác thu gom và xử lý chất thải

2.1. Tình hình thu gom và xử lý nước thải

Phần lớn nước thải sinh hoạt được thu gom bằng hệ thống mương thoát nước, sau đó tập trung về 4 trạm xử lý nước thải (Phú Lộc, Hòa Cường, Ngũ Hành Sơn và Sơn Trà) với tổng công suất 64.400m³/ngày và nước thải sau khi xử lý chảy theo hệ thống đường ống xả ra sông Hàn, vịnh Đà Nẵng, biển Đông.

2.2. Tình hình thu gom và xử lý chất thải rắn

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn tại thành phố Đà Nẵng được đầu tư khá đồng bộ trong những năm gần đây. Thông qua Dự án Thoát nước và Vệ sinh môi trường, năng lực thu gom và vận chuyển đã được nâng cao và được đánh giá cao trong phạm vi cả nước.

Mạng lưới thu gom được trải rộng khắp toàn thành phố kể cả một số khu vực ngoại thành của huyện Hoà Vang. Đến nay toàn thành phố đã có 4.500 thùng rác công cộng, các phương tiện trung chuyển cũng được cải tiến liên tục nhằm phù hợp với hạ tầng cơ sở và đáp ứng nhu cầu thực tế. Trong số các thùng rác bố trí khu vực công cộng có 50% thùng được chuyển về các trạm trung chuyển, 50% còn lại được chuyển rác tại chỗ lên các xe cuốn ép. Rác thải trong các kiệt hẻm được thu gom bằng xe bagac sau đó tập kết vào các trạm trung chuyển gần nhất để chuẩn bị đưa về bãi rác chôn lấp.

Cùng với sự phát triển của thành phố, chất thải rắn gia tăng nhanh chóng. Ước tính toàn thành phố Đà Nẵng thải ra khoảng 1.200 tấn chất thải rắn mỗi ngày, tỷ lệ thu gom đạt 86% (năm 2006), lượng rác còn lại được thải vào các ao, hồ, sông, kênh rạch... Năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố nhìn chung là khá tốt, đầu tư khá đồng bộ về bộ máy, năng lực, trang thiết bị và công nghệ phục vụ thu gom, vận chuyển và lưu giữ. Tuy nhiên, thực trạng đáng quan tâm nhất là công tác giảm thiểu tại nguồn (phân loại, tái chế và tái sử dụng) chưa được quan tâm đúng mức. Khâu xử lý chất thải rắn cuối nguồn, bãi rác Khánh Sơn 17ha đã đóng cửa nhưng mùi hôi và nước rỉ rác đã và đang gây ô nhiễm môi trường đất và nước ngầm khu vực Hoà Khánh, bãi rác Khánh Sơn mới (50 ha) có xây dựng hệ thống xử lý nước rỉ rác tuy nhiên nước thải sau xử lý vẫn chưa đạt yêu cầu. Hầu hết chất thải rắn nguy hại của các cơ sở công nghiệp chưa được thu gom và xử lý đạt yêu cầu. Toàn bộ chất thải rắn bệnh viện khoảng 1.659 tấn/năm tại 21 bệnh viện tuyến quận, huyện trở lên chưa kể các cơ sở y tế nhỏ khác, trong đó có khoảng 16% chất thải nguy hại nhưng đến nay vẫn chưa được quản lý tốt, một lượng nhỏ rác thải bệnh viện được xử lý bằng lò đốt, lượng lớn còn lại đổ lẫn với chất thải sinh hoạt và được chôn lấp tại bãi rác Khánh Sơn.

IV. THỰC TRẠNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Về thể chế và chính sách: Công tác quản lý môi trường được triển khai toàn diện trên nhiều mặt như: thành phố ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như: Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Quyết

định số 142/QĐ-UB ngày 29/12/2000, Quyết định số 06/QĐ-UB về việc ban hành Quy định về đảm trật tự an toàn giao thông và VSMT trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, ...; chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày càng được nâng cao; quan trắc môi trường và lập báo cáo hiện trạng môi trường được thực hiện hàng năm; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, thu phí nước thải, kiểm soát, thanh tra môi trường đã được triển khai thường xuyên; Bắt đầu từ năm 2004, lực lượng cán bộ môi trường tại các quận, huyện đã dần được củng cố từ khi phòng Tài nguyên môi trường của quận, huyện được thành lập. Đến nay, tại mỗi quận huyện có từ 01-02 cán bộ chuyên trách về môi trường.

Các chương trình đề án giảm thiểu suy thoái môi trường: Việc ngăn chặn nguy cơ suy giảm chất lượng môi trường trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Chất lượng nước mặt tại một số sông hồ, chất lượng môi trường tại các khu công nghiệp tập trung từng bước được cải thiện. Kết quả của vấn đề này là sự kết hợp triển khai đồng bộ các Chương trình, đề án nhằm giảm thiểu và ngăn ngừa ô nhiễm như: Chương trình quản lý ô nhiễm công nghiệp, Đề án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, ... Nhận thức về giảm thiểu và xử lý ô nhiễm của các cơ sở công nghiệp, các cơ sở sản xuất ngày càng nâng cao. Thành phố đã tổ chức được nhiều phong trào huy động cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường đô thị như: “Ngày chủ nhật xanh, sạch, đẹp”, Chương trình thí điểm về phân loại rác thải tại nguồn, phân cấp quản lý hồ đầm trên địa bàn thành phố, ...

Về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Đà Nẵng đã thu hút được nhiều dự án về môi trường do các tổ chức quốc tế tài trợ, các dự án này góp phần đáng kể trong việc nâng cao năng lực quản lý môi trường, xây dựng cơ sở hạ tầng, dữ liệu, lập qui hoạch, ... nhằm nâng cao chất lượng môi trường thành phố. Cụ thể: Dự án thoát nước và vệ sinh môi trường đã xây dựng hệ thống thu gom rác, bãi rác hợp vệ sinh và xây dựng hệ thống thoát nước khu vực nội thành và 04 trạm xử lý nước thải sinh hoạt; Dự án môi trường Việt nam-Canada đã giúp Đà Nẵng nâng cao năng lực quản lý môi trường công nghiệp, hỗ trợ trang thiết bị kỹ thuật quan trắc môi trường; Dự án điểm trình diễn quốc gia về quản lý tổng hợp vùng bờ (ICM) đã xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường...

V. TIỀM NĂNG CỦA ĐÀ NẴNG TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ MÔI TRƯỜNG:

Trên cơ sở tổng hợp, phân tích và đánh giá thực trạng các điều kiện về tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường như ở trên, cho thấy Đà Nẵng đang sẵn có nhiều cơ hội, điều kiện thuận lợi để phấn đấu trở thành “thành phố môi trường” do những tiềm năng cụ thể như sau:

1. Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên:

Nằm ở vị trí trung độ của đất nước, Đà Nẵng có vị trí trọng yếu cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh; là đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không, cửa ngõ chính ra biển Đông của các tỉnh miền Trung,

Tây Nguyên và các nước tiểu vùng Mê Kông. Thành phố Đà Nẵng nằm trên hành lang kinh tế Đông Tây, là tuyến hành lang dài 1450 km, đi qua 4 nước, bắt đầu từ thành phố cảng Mawlamyine (bang Mon) đến cửa khẩu Myawaddy (bang Kayin) ở biên giới Myanmar - Thái Lan, ở Việt Nam, chạy từ cửa khẩu Lao Bảo qua các tỉnh thành Quảng Trị, Huế và Đà Nẵng. Hành lang kinh tế Đông Tây ra đời chính là sợi dây liên kết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, giao lưu văn hoá xã hội giữa các quốc gia Đông Nam Á nói chung và các địa phương nói riêng, trong đó có thành phố Đà Nẵng. Hiện nay, hạ tầng giao thông phát triển đã cho phép kết nối bốn di sản văn hoá thế giới của các nước liên quan, thực hiện sáng kiến “ba nước, một điểm đến”. Ý tưởng “ăn sáng trên đất Thái Lan, ăn trưa tại Lào, và tắm biển và ăn tối tại miền Trung Việt Nam” đến nay đã trở thành hiện thực.

Bên cạnh đó, nhờ điều kiện thiên nhiên ưu đãi, với khí hậu đa dạng kiểu khí hậu núi cao và núi vừa; khí hậu núi thấp và trung du; vừa có kiểu khí hậu đồng bằng duyên hải - bán đảo đã tạo cho Đà Nẵng có sự đa dạng sinh học cao về các nguồn gen, loài sinh vật trong hệ sinh thái biển và rừng, ... Nhiều địa danh du lịch sinh thái nổi tiếng đã có thương hiệu trên bản đồ du lịch Việt Nam như: Bà Nà – Núi Chúa, Sơn Trà – Non Nước và Hải Vân – thiên hạ đệ nhất hùng quang; biển Đà Nẵng - một trong 06 bãi biển đẹp nhất hành tinh theo bình chọn của tạp chí Forbes. Việc bãi biển Đà Nẵng được xếp vào danh sách các bãi biển đẹp nhất hành tinh là niềm tự hào không chỉ của riêng thành phố mà còn niềm vinh dự của cả nước. Đây đồng thời cũng là cơ hội phát triển có một không hai cho ngành du lịch Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung.

Với chủ trương “nối dài bờ sông, kéo dài bờ biển” được Đà Nẵng thực hiện quyết liệt. Từ một thành phố quay lưng ra biển, Đà Nẵng đã kiến thiết để biển trở thành mặt tiền đầy thơ mộng. Hiện nay, các dải đô thị ven biển được đầu tư như tuyến Liên Chiểu - Thuận Phước, đường du lịch Sơn Trà - Điện Ngọc; ở dải ven biển này có nhiều khu vực cần phải duy trì và phát triển không thể làm mất đi nét đặc trưng riêng cho thành phố Đà Nẵng như làng hoa Phước Mỹ, khu thắng cảnh du lịch Ngũ Hành Sơn, khu sinh sống ngư dân làng điêu khắc, các bãi tắm, khu du lịch..., để giữ vững môi trường sinh thái, giữ vững cảnh quan thiên nhiên và bảo tồn được những nét đẹp văn hóa đã có “thương hiệu” từ bao đời nay của Đà Nẵng.

Với địa hình, khí hậu và đặc điểm văn hóa đặc sắc, danh thắng Ngũ Hành Sơn, khu bảo tồn thiên nhiên bán đảo Sơn Trà và dải ven biển Đà Nẵng sẽ được đô thị hóa ở mức cao. Các thắng cảnh được làm nền cho các khu đô thị sầm uất, cùng với việc xây dựng các khu nghỉ dưỡng cao cấp sẽ hình thành nên dải đô thị phong phú với kiểu dáng hiện đại nhưng đồng thời vẫn giữ được cảnh quan đẹp hoang sơ vốn có của vùng biển với những dải cát trắng chạy dài ven biển, những đôi phi lao chắn sóng, những khách sạn cao tầng, những ngôi biệt thự, nhà vườn, công viên chạy dọc đường ven biển với những tán lá xanh mát.

Việc khai thác có chiến lược và lồng ghép quy hoạch môi trường sẽ tạo cho Thành phố có những bước tiến đột phá trên nhiều lĩnh vực.

2. Diện tích, quy mô dân số nhỏ và cơ sở hạ tầng tương đối hoàn chỉnh:

- Đà Nẵng là một thành phố trẻ, có diện tích và quy mô dân số nhỏ, theo số liệu từ niên giám thống kê năm 2006, Đà Nẵng có số dân là 792.895 người trên tổng diện tích là 1256.54 km².

- Đà Nẵng có đủ 4 loại đường giao thông thông dụng là đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không. Hệ thống đường bộ chính của Đà Nẵng đã nhựa hoá và bê tông hoá 100%.

- Là một thành phố trẻ và đang trong quá trình quy hoạch, chỉnh trang đô thị, có kiến trúc tiêu biểu; về không gian đô thị, chú ý phát triển theo hướng Tây-Bắc và kéo dài theo bờ biển, theo dòng sông; xây dựng các đô thị vệ tinh để dẫn dân cư từ khu vực trung tâm, hướng tới sự phát triển ổn định và bền vững. Về hướng Tây - Tây Bắc: Dọc theo sông Cu Đê đến Trường Định và Hoà Khánh lên khu vực Bà Nà. Về hướng Tây - Tây Nam: Theo quốc lộ 1A và 14B thuộc các phường Hoà Thọ, Hoà Phát. Phát triển các khu trung tâm thành phố và 2 bên sông Hàn (bao gồm phần sẽ quy hoạch kéo dài và xây dựng thêm cầu qua sông) theo hướng thương mại - dịch vụ; tuyến ven biển từ Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn đến Điện Nam - Điện Ngọc (Quảng Nam) phát triển du lịch - dịch vụ; tuyến Liên Chiểu - Hoà Vang phát triển công nghiệp. Quy hoạch phát triển các đô thị mới như: Đa Phước, Bắc và Nam Non Nước, các thị trấn; thị tứ như thị trấn Tuý Loan (Hoà Vang); xây dựng các cụm khu đô thị mới (diện tích tối thiểu 10 - 12 m² sàn/người) tạo điều kiện phân bố lại dân cư .v.v.

- Di chuyển sớm các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, các kho xăng dầu, kho bom, đạn... ra khỏi các khu vực nội đô, xử lý triệt để môi trường tại các khu công nghiệp. Đến năm 2010, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 90%/tổng số hộ.

- Định hướng phát triển khu vực nông thôn và các xã miền núi với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm của khu vực nông thôn đạt khoảng 8,4%. Nông thôn Đà Nẵng được phát triển toàn diện cả về sản xuất và đời sống, cả về kinh tế, xã hội, môi trường trong thế liên kết với khu vực nội thị và thị trấn.

3. Về kinh tế:

Kinh tế thành phố Đà Nẵng đạt GDP tăng bình quân 12,9%/năm (2001-2005), GDP bình quân đầu người năm 2006 đạt 1.050 USD, tăng gần 4 lần so với năm 1997. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực và đúng hướng, giá trị sản xuất công nghiệp-xây dựng tăng bình quân 18,9%/năm, kim ngạch xuất khẩu tăng 12%/năm, hàng hoá thông qua cảng năm 2006 đạt 2,4 triệu tấn, tăng gấp 3 lần... Thu ngân sách năm 2006 đạt gần 5.500 tỉ đồng, tăng gấp 8 lần so với cuối năm 1996; tổng thu ngân sách 10 năm đạt hơn 30.000 tỉ đồng. Thu hút đầu tư nước ngoài đến nay được trên 121 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 1.711,5 triệu USD.

4. Sự đồng thuận xã hội:

- Thành phố cũng đã và đang thực hiện thành công chương trình “thành phố 5 không” (không có hộ đói, không có người mù chữ, không có người lang thang xin ăn, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng, không có giết người cướp của) và chương trình “thành phố 3 có” (có nhà ở, có việc làm, có nếp sống văn minh đô thị).

- Cái được lớn nhất trong 10 năm qua là được lòng dân. Chính lòng dân ấy, chính sự đồng thuận ấy là làn sóng to lớn cuốn phăng tất cả mọi trở ngại; là nguồn lực mạnh mẽ ủng hộ, cổ vũ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển TP. Bài học tin ở dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân, hết lòng vì dân là bài học đầu tiên và muôn thuở, là bài học của mọi nơi, mọi lúc; là bài học lớn và sâu sắc nhất của chúng ta”, Bí thư thành uỷ đã phát biểu tại mitting kỷ niệm 10 năm Thành phố trực thuộc TW.

- Tính nhân văn thể hiện sự nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư trên địa bàn thành phố, nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững; thành phố xanh - sạch - đẹp - văn minh.

Những tiềm năng và lợi thế của Thành phố Đà Nẵng như đã phân tích ở trên là tiền đề quan trọng để Đà Nẵng trở thành “Thành phố thân thiện môi trường”.

PHẦN II

NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI, TIÊU CHÍ VÀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO ĐỀ ÁN:

Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường” đến năm 2020 xây dựng trên cơ sở Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005, Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Nghị quyết 33/NQ-TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2010.

Với những cơ sở như trên và dựa vào kết quả tham khảo các bộ tiêu chí thành phố môi trường của Nam Kinh và Xiamen (Trung Quốc), Viên (Áo), Sydney (Úc), Singapore, Thụy Điển, ... Đề án “Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường” đến năm 2020 đưa ra các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, 10 tiêu chí và 03 mốc lộ trình thực hiện để ngăn chặn tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường, khắc phục tình trạng suy thoái; bảo đảm cân bằng sinh thái ở mức cao; đạt được mục tiêu phát triển bền vững nhằm đáp ứng các yêu cầu về môi trường trong hội nhập kinh tế Quốc tế và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của quá trình toàn cầu hoá, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trên địa bàn thành phố.

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2020 có thể công bố “Đà Nẵng - thành phố môi trường”, thì mục tiêu tổng quát cần đạt được là:

a) Tạo nên một danh hiệu “*thành phố môi trường*” cho thành phố Đà Nẵng, tạo sự an toàn về sức khỏe và môi trường cho người dân, các nhà đầu tư, cho du khách trong và ngoài nước khi đến với thành phố Đà Nẵng;

b) Ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm và suy thoái môi trường tại các khu dân cư, khu công nghiệp, vùng ven biển; Đảm bảo chất lượng môi trường nước, đất, không khí đặc biệt chú trọng đến vấn đề ô nhiễm không khí do giao thông vận tải, xử lý nước thải công nghiệp và chất thải nguy hại;

c) Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường;

d) Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, làm cho ý thức bảo vệ môi trường trở thành thói quen, đi sâu vào nếp sống của mọi tầng lớp xã hội.

2.1. Các mục tiêu cụ thể: Chia làm 3 giai đoạn:

2.1.1. Giai đoạn 2008-2010:

* Tập trung giải quyết một số vấn đề môi trường cấp bách hiện nay, cụ thể:

a) Chất lượng môi trường nước:

+ Giải quyết triệt để: Ô nhiễm tại các khu dân cư do các điểm nóng ô nhiễm nguồn nước như: khu dân cư thôn Khánh Sơn (nước rỉ rác tại bãi rác Khánh Sơn), khu dân cư Thuận Phước (hồ Đầm Rong); Khu dân cư phường Thanh Khê Đông và Thanh Khê Tây (hạ lưu sông Phú Lộc). Ô nhiễm nước biển ven bờ: bãi biển Thanh Bình, Mỹ Khê; khu Âu Thuyền Thọ Quang, cửa sông Cu Đê;

+ Thực hiện xử lý nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam trước khi xả thải tại các khu công nghiệp: Hoà Khánh, Liên Chiểu, Dịch vụ thủy sản Thọ Quang.

+ Hoàn thiện hệ thống cấp nước sạch cho khu vực nội thành.

b) Chất lượng môi trường không khí: Giải quyết triệt để tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại các nhà máy, xí nghiệp, đặc biệt đối với các nhà máy sản xuất sắt thép, xi măng, chế biến thủy sản; Giảm thiểu bụi giao thông; Xã hội hoá công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh.

c) Chất lượng môi trường đất: Xử lý các điểm ô nhiễm môi trường đất; Thu gom và xử lý triệt để rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại; Triển khai công tác xã hội hoá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, phân loại rác thải tại nguồn trên qui mô toàn thành phố; Xây dựng và đưa vào hoạt động Trung tâm hoả táng thành phố - kết hợp với công tác tuyên truyền, giải thích cho nhân dân những lợi ích xã hội của phương pháp hoả táng, từ đó vận động nhân dân chuyển từ hình thức mai táng bằng phương pháp địa táng sang phương pháp hoả táng.

2.1.2. Giai đoạn 2011 - 2015: Phần đầu đạt:

a) 90% chất lượng nước thải của các khu công nghiệp, khu chế xuất đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường.

b) 90% nước thải sinh hoạt của tất cả các quận nội thành được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

c) Kiểm soát được các nguồn phát sinh chất thải nguy hại và thực hiện xử lý hợp vệ sinh (Hoàn thành việc điều tra thống kê chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố; hoàn thành việc xây dựng hệ thống thu gom và xử lý chất thải nguy hại; xây dựng khu xử lý chất thải rắn y tế nguy hại tập trung).

d) Tiếp tục xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn. Phân loại chất thải tại nguồn, 90% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý hợp vệ sinh.

đ) Hình thành và phát triển công nghiệp tái chế chất thải để tái sử dụng, phần đầu 50% chất thải thu gom được tái chế.

e) 50% người chết được mai táng bằng phương pháp hoá táng.

f) 90% dân số nội thành và 70% dân số các xã ngoại ô được sử dụng nước sạch.

g) Kiểm soát ô nhiễm không khí: từ các nguồn phát sinh gồm giao thông đường bộ, khí thải công nghiệp và khí thải từ các khu vực đô thị. Đảm bảo chỉ số ô nhiễm không khí (API) nhỏ hơn 100 (các thông số bụi: PM10, PM2,5; ôzôn; SO₂; CO đạt tiêu chuẩn).

h) Phát triển diện tích không gian xanh đô thị (cây xanh công viên, cây xanh vườn hoa, cây xanh đường phố, cây xanh công sở, trường học), hợp lý về tỷ lệ và chủng loại cây, phần đầu đạt 3-4 m²/người.

i) Bảo tồn đa dạng sinh học rừng của thành phố. Tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên, tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng nghiêm ngặt và đẩy nhanh tiến độ trồng rừng để nâng độ che phủ của rừng lên 50,6% vào năm 2015.

2.1.3. Giai đoạn 2016-2020:

a) Tiếp tục hoàn thiện các mục tiêu ở giai đoạn 2007-2015, đảm bảo đạt được tất cả các tiêu chí thành phố môi trường, cụ thể:

- 100% nước thải công nghiệp và sinh hoạt được xử lý.
- 70% chất thải rắn được tái chế.
- 25% lượng nước được tái sử dụng.

b) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đánh giá và công bố thành phố môi trường sau khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí.

2. Phạm vi của đề án

Đề án được thực hiện đến năm 2020 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, trong đó ưu tiên các mục tiêu trước mắt được thực hiện từ nay đến năm 2015, nhằm mục tiêu xây dựng Đà Nẵng trở thành “thành phố môi trường” trên cơ sở chất lượng của 03 thành

phần môi trường tự nhiên chính là môi trường đất, môi trường nước và môi trường không khí.

3. Các tiêu chí xây dựng Đà Nẵng – thành phố môi trường

Các tiêu chí xây dựng thành phố môi trường nêu ở bảng sau, bắt đầu phân đầu thực hiện từ tháng 5/2008. Riêng đối với tiêu chí số 1 về chỉ số ô nhiễm không khí phân đầu thực hiện sau khi xây dựng và đưa vào vận hành các trạm quan trắc không khí tự động (dự kiến vào cuối năm 2012).

TT	Tiêu chí	Hiện trạng năm 2005	Cần đạt được vào năm 2020
I	Chất lượng môi trường không khí		
1	Chỉ số ô nhiễm không khí (API)	-	API < 100 đo đạc bằng các trạm quan trắc tự động và liên tục.
2	Độ ồn tại các khu vực: - Khu dân cư - Đường phố	-	< 60 dB(A) < 75 dB(A)
3	Tỷ lệ các nhà máy kiểm soát ô nhiễm không khí	-	> 90 %
4	Diện tích không gian xanh đô thị bình quân trên người	2 m ² /người	> 6-8 m ² /người
II	Chất lượng môi trường nước		
5	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch bình quân: - Tại các quận nội thành - Tại huyện Hoà Vang	57,36% 4,1 %	> 95 % > 70 %
6	Tỷ lệ chất lượng nước đạt yêu cầu tại các khu vực: sông, ven biển, hồ, nước ngầm	-	100 %
7	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý	-	> 50 %
8	Tỷ lệ nước thải công nghiệp đạt yêu cầu xả thải	-	100 %
III	Chất lượng môi trường đất		
9	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	86%	> 90 %
10	Tỷ lệ tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp	-	> 70 %, và không phát thải chất thải công nghiệp độc hại

4. Quan điểm chỉ đạo:

4.1. Xây dựng thành phố môi trường trên cơ sở phát huy nội lực, huy động toàn dân kết hợp với quản lý đa ngành, đa mục tiêu.

4.2. Giải quyết tốt và hài hoà mối quan hệ giữa khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên cho phát triển kinh tế xã hội gắn với công tác bảo vệ môi trường.

4.3. Kết hợp giữa phân vùng và qui hoạch giao thông trong đó ưu tiên cho các phương tiện giao thông thân thiện với môi trường, các giải pháp môi trường và các giải pháp hạn chế sự gia tăng mật độ phương tiện giao thông đô thị.

4.4. Xây dựng các khu đô thị mới chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

4.5. Bảo vệ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, tính đa dạng sinh học; bảo vệ và phát triển các di sản văn hoá, làm đẹp cảnh quan đô thị.

4.6. Xây dựng và hình thành lối sống văn minh, văn hoá đô thị bảo vệ môi trường trong công đồng người dân thành phố.

4.7. Việc xây dựng thành phố môi trường phải được tiến hành trên cơ sở hệ thống chính sách, pháp luật thống nhất của Nhà nước, có tính kế thừa và được sự chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của UBND thành phố, Ủy ban nhân dân các quận huyện. Trong công cuộc xây dựng thành phố môi trường cần ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ để xử lý các chất thải theo hướng triệt để và hiệu quả.

4.8. Cạnh tranh thu nguồn vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế, đồng thời mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế nhưng có lựa chọn trọng điểm nhằm thu hút đầu tư của các nước, các tổ chức quốc tế, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ và tiếp thu công nghệ hiện đại, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của thành phố Đà Nẵng.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Các nhiệm vụ chính của đề án

Các nhiệm vụ của Đề án được chia thành các nhóm, bao gồm:

1.1. Giai đoạn từ năm 2008-2010

Giai đoạn trước mắt từ nay đến năm 2010 là giải quyết một cách cơ bản các điểm nóng về ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố, cụ thể:

1.1.1. Môi trường không khí:

a) Kiểm tra và xử lý triệt để đối với các nhà máy xí nghiệp có khí thải gây ô nhiễm như ngành xi măng: Công ty xi măng Cosevco 19; Công ty xi măng Hải Vân, ..., sản xuất sắt thép: các cơ sở có lò nấu luyện phôi thép, khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch (chuyển đổi taxi, xe buýt sang chạy bằng gas), ...

b) Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh đô thị.

c) Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường không khí tự động.

1.1.2. Môi trường nước:

a) Xử lý ô nhiễm môi trường nước tại các địa điểm như: nước rỉ rác ở bãi rác Khánh Sơn, hồ đầm Rong, nước thải đổ vào các bãi biển như bãi biển: Mỹ Khê, Thanh Bình.

b) Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải công nghiệp cho khu công nghiệp: dịch vụ thuỷ sản Đà Nẵng, Hoà Khánh, Đà Nẵng.

1.1.3. Môi trường đất:

a) Cải thiện chất lượng môi trường đất tại các địa điểm bị ô nhiễm như: Bãi rác Khánh Sơn (cũ); kho xăng dầu Mỹ Khê và kho xăng dầu Nại Hiên; phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý ô nhiễm tại phía Bắc Sân Bay Đà Nẵng,

b) Xã hội hoá công tác thu gom và xử lý chất thải rắn. Phân loại rác thải tại nguồn trên phạm vi toàn thành phố.

c) Xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm hoả táng thành phố Đà Nẵng.

1.1.4. Các vấn đề quan trọng khác:

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả phong trào ngày chủ nhật xanh-sạch-đẹp.

b) Đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020 theo Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005.

c) Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá kết quả thực hiện Đề án qua các giai đoạn theo bộ tiêu chí (Chỉ số ô nhiễm không khí; độ ồn khu dân cư, đường phố; tỷ lệ cơ sở kiểm soát ô nhiễm không khí; diện tích cây xanh đô thị bình quân, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch; tỷ lệ chất lượng nước đạt yêu cầu; tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý; chất lượng nước đạt yêu cầu khu vực; tỷ lệ nước thải công nghiệp được xử lý; tỷ lệ thu gom chất thải rắn; tỷ lệ tái sử dụng chất thải rắn, ...).

1.2. Giai đoạn từ năm 2011-2015:

1.2.1. Môi trường không khí:

a) Quy hoạch và xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí tự động trên địa bàn Đà Nẵng nhằm cung cấp các số liệu quan trắc môi trường không khí tin cậy, kịp thời đồng thời kiểm soát và quản lý tốt chất lượng không khí.

b) Thực hiện giảm bụi do hoạt động giao thông gây ra.

c) Phát triển mạng lưới giao thông vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

d) Thúc đẩy chuyển đổi sử dụng nhiên liệu sạch và giảm thiểu lượng thải khí ô nhiễm (nguồn di động và nguồn cố định).

+ Nguồn di động: Phát triển các loại hình xe bus, taxi chạy bằng gas, tàu điện; Xây dựng các trạm cung cấp nhiên liệu sạch; ...

+ Nguồn cố định: Thúc đẩy các doanh nghiệp sử dụng các nguồn nhiên liệu sạch như: khí thiên nhiên, khí hoá than, thực hiện ISO 14001;

đ) Tiết kiệm năng lượng và sử dụng hợp lý nguồn nhiên liệu

e) Phát triển các mô hình tái sử dụng năng lượng, khuyến khích sử dụng năng lượng tự nhiên như năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

f) Xây dựng và phát triển các dự án theo cơ chế phát triển sạch (CDM)

g) Bảo tồn đa dạng sinh học nhằm tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên

h) Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn trồng rừng kinh tế, trồng rừng cảnh quan khai thác du lịch. Phân đấu đến năm 2010 trồng 8.000 ha rừng kinh tế. Đặc biệt, công tác trồng rừng đầu nguồn để phòng chống thiên tai.

i) Phát triển du lịch sinh thái, xây dựng và phổ biến nhân rộng các mô hình làng sinh thái.

j) Trồng cây xanh, đẩy mạnh xã hội hoá công tác chăm sóc và bảo vệ cây xanh.

1.2.2. Môi trường nước:

a) Quy hoạch và xây dựng mạng lưới quan trắc chất lượng nước tự động.

b) Thực hiện quản lý, khai thác hợp lý và bảo vệ hồ, đầm.

c) Thực hiện quản lý các lưu vực sông: sông Hàn, Cu Đê, Phú Lộc.

d) Thực hiện cấp nước sạch trên địa bàn thành phố.

đ) Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước.

e) Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ở tất cả các khu công nghiệp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do nước thải từ các khu công nghiệp.

f) Nâng cấp 04 trạm xử lý nước thải đô thị hiện có, xây dựng trạm xử lý nước thải đô thị tại Hoà Xuân, xây dựng hạ tầng thoát nước thải tại các quận Sơn Trà, Liên Chiểu, Cẩm Lệ (Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP. Đà Nẵng).

g) Cải tạo môi trường sông Phú Lộc (Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP. Đà Nẵng)

h) Hoàn thiện và xây dựng hệ thống xử lý nước thải hoàn chỉnh tại các cơ sở y tế trên toàn địa bàn.

1.2.3. Môi trường đất:

a) Quy hoạch quản lý chất thải rắn nhằm hoàn thiện hệ thống quản lý tổng hợp chất thải rắn trên địa bàn thành phố nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác quản lý chất thải rắn ở Đà Nẵng liên quan đến các khâu: phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

b) Xây dựng khu xử lý rác thải y tế tập trung.

c) Thực hiện quản lý xử lý chất thải nguy hại và công nghiệp.

d) Phân loại rác thải tại nguồn, tái chế tái sử dụng chất thải rắn nhằm giảm thiểu lượng chất thải đem chôn lấp, tiết kiệm diện tích đất của bãi chôn lấp và tăng tuổi thọ của bãi rác.

đ) Xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

e) Quản lý, sử dụng hợp lý thuốc bảo vệ thực vật nhằm hạn chế ô nhiễm đất.

2.1.4. Quản lý tổng hợp môi trường đô thị

a) Phát triển các mô hình cụm dân cư, khu đô thị, KCN, ... theo mô hình cộng đồng sinh thái, làng sinh thái.

b) Xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường thành phố Đà Nẵng đến năm 2010.

c) Triển khai có hiệu quả Chương trình quản lý ô nhiễm công nghiệp giai đoạn 2006-2010 đã được phê duyệt.

d) Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

đ) Thực hiện "đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục thành phố".

e) Xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường.

f) Nâng cao nguồn lực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng nguồn nhân lực trong quá trình triển khai thực hiện đề án thành phố môi trường.

g) Lồng ghép môi trường vào qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

h) Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường.

i) Phát triển nông nghiệp sạch và thân thiện môi trường.

Danh mục các nhiệm vụ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, dự kiến kinh phí, thời gian thực hiện, thứ tự ưu tiên trong khoảng thời gian 2008 - 2015 của từng nhiệm vụ, dự án cụ thể được ghi trong phụ lục 1, 2.

1.3. Giai đoạn từ năm 2016-2020: Tổng kết nội dung, nhiệm vụ triển khai đề án từ năm 2008 đến 2015 để đạt được các tiêu chí công bố “Xây dựng Đà Nẵng – thành phố môi trường”.

2. Dự kiến kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Đề án sẽ được xác định cụ thể trên cơ sở phê duyệt từng dự án khả thi của Đề án theo quy định của pháp luật. Ước tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án xây dựng “Đà Nẵng - thành phố môi trường” là **6.057.707.000.000 đồng** (sáu ngàn, không trăm năm mươi bảy tỷ, bảy trăm lẻ bảy triệu đồng), cụ thể:

- Ngân sách Trung ương : 316.483.000.000 đồng.
- Ngân sách thành phố : 952.040.000.000 đồng.
- Vốn vay ODA : 2.316.588.000.000 đồng.
- Từ các tổ chức khác : 2.472.596.000.000 đồng.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường; huy động sự tham gia từ các sở, ban, ngành, địa phương để xây dựng kế hoạch cụ thể, đúng tiến độ, triển khai thực hiện Đề án.

Phát động phong trào toàn dân bảo vệ môi trường, xây dựng xã, phường đạt tiêu chuẩn môi trường. Giải pháp này bao gồm huy động toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; duy trì phát triển phong trào, như phong trào ngày chủ nhật xanh sạch đẹp, phân loại rác thải tại nguồn,... hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá và rút kinh nghiệm cho các năm sau.

Phát huy tối đa hiệu quả của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của nhân dân. Tổ chức biên soạn nội dung chương trình phát thanh, truyền hình về trách nhiệm bảo vệ môi trường của người công dân; phổ cập nâng cao hiểu biết về môi trường, cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường, cổ động các phong trào toàn dân bảo vệ môi trường, nêu gương điển hình trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Tăng cường giáo dục môi trường trong các trường học. Lồng ghép các kiến thức môi trường một cách khoa học với khối lượng hợp lý trong các chương trình giáo dục của từng cấp học; tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao ý thức tự giác bảo vệ môi trường, thấm sâu tình yêu thiên nhiên, đất nước của học sinh tại các trường học.

2. Tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và quản lý đô thị.

Hoàn thiện hệ thống quản lý môi trường: Phát triển lực lượng cán bộ quản lý môi trường tại các phòng Tài nguyên và Môi trường ở cấp quận, huyện theo hướng kết hợp quản lý tài nguyên với quản lý môi trường, phải đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý môi trường trên địa bàn và ít nhất phải từ 2 đến 3 công chức. Ngoài bộ máy quản lý môi trường cấp quận, huyện mỗi phường, xã phải có một cán bộ chuyên trách về môi trường và tài nguyên, đối với các tổ dân phố có một tổ phó phụ trách vấn đề môi trường và lực lượng nòng cốt cho công tác môi trường của phường là các hội như: Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, thanh niên xung kích... Thành lập và phát triển phòng cảnh sát môi trường thuộc Công an Thành phố, thường xuyên kiểm tra, thanh tra, ngăn chặn các sự cố môi trường tội phạm môi trường.

3. Xây dựng thể chế chính sách nhằm triển khai thực hiện thành công thành phố môi trường

Hoàn thiện hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật, các chế tài phù hợp về quản lý môi trường và đô thị trên địa bàn thành phố theo hướng quy định rõ quyền lợi và trách nhiệm bảo vệ môi trường, quản lý đô thị của các tổ chức cá nhân.

4. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường trên toàn thành phố.

Nội dung của việc xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường là huy động ở mức cao nhất sự tham gia của xã hội vào công tác bảo vệ môi trường, kể cả công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, bảo vệ rừng. Xây dựng các cơ chế khuyến khích, xử phạt nghiêm và thực hiện một cách công bằng, hợp lý đối với cả các đối tác thuộc Nhà nước cũng như các đối tác tư nhân khi tham gia hoạt động bảo vệ môi trường. Đề cao vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ môi trường, giám sát việc bảo vệ môi trường. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hoạt động của các khu dân cư, cộng đồng dân cư và phát huy vai trò của các tổ chức này trong công tác bảo vệ môi trường.

Ban hành tiêu chuẩn xã, phường, hộ gia đình xanh sạch đẹp, gia đình sinh thái và lồng ghép các tiêu chuẩn này trong hoạt động của phong trào toàn dân bảo vệ môi trường. Hàng năm xét công nhận danh hiệu và khen thưởng xã, phường hộ gia đình làm tốt công tác bảo vệ môi trường và coi đây là một trong những tiêu chí công nhận xã, phường, hộ gia đình văn hoá.

Qua xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường, lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để tôn vinh khen thưởng.

5. Đào tạo nguồn nhân lực:

Tiếp nhận chuyển giao công nghệ, tổ chức đào tạo lại, đào tạo mới, hình thành đội ngũ chuyên gia, đặc biệt là các chuyên gia khoa học hàng đầu, cán bộ quản lý nhà nước có trình độ cao trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Xây dựng và thực hiện Đề án nâng cao nguồn lực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6. Huy động vốn thực hiện Đề án:

Tăng cường nguồn lực và đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư bảo vệ môi trường, huy động các nguồn vốn ODA, vốn từ các chương trình hợp tác quốc tế, vốn từ nguồn thu phí môi trường và đóng góp từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế trên toàn địa bàn thành phố đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường, ...

- Căn cứ dự toán phân bổ của Trung ương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, phân đấu bố trí tăng dần kinh phí từ ngân sách thành phố để đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường.

- Thực hiện công tác xã hội hoá trong đó triển khai các biện pháp huy động theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, kêu gọi sự ủng hộ của các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân trên địa bàn thành phố.

- Xúc tiến kêu gọi nguồn viện trợ, các dự án đầu tư nước ngoài, tăng cường khả năng thu hút các nguồn vốn ODA, tăng tỷ lệ đầu tư cho bảo vệ môi trường từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA. Các ngành, địa phương lập các dự án bảo vệ môi trường cụ thể của đơn vị mình để thu hút đầu tư ODA, đặc biệt chú trọng các dự án liên quan đến xử lý nước thải, chất thải rắn, không khí và tiếng ồn, chất thải y tế.

- Thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường để huy động các nguồn lực của Nhà nước, cộng đồng, các tổ chức trong và ngoài nước và sự ủng hộ tài trợ của các tổ chức quốc tế để tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc ưu tiên.

7. Lồng ghép các vấn đề môi trường vào quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Để đảm bảo quá trình phát triển bền vững, cần thiết phải xác lập sự cân đối giữa các yếu tố kinh tế-xã hội-môi trường, kết hợp bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế-xã hội một cách hài hoà. Giải pháp này bao gồm sự lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào các chiến lược phát triển kinh tế xã hội thành phố, quận, huyện theo hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường chiến lược, có sự điều chỉnh cần thiết theo hướng bền vững, xây dựng quy hoạch quản lý môi trường và tổ chức thực hiện song song với Chiến lược phát triển kinh tế xã hội; xác lập cơ chế tài chính dài hạn và hàng năm cho lĩnh vực bảo vệ môi trường với quan điểm đầu tư bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững; UBND thành phố điều phối thực hiện việc lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường vào Chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

8. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án

Phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở ban ngành trên địa bàn thành phố nhằm bảo đảm công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và đánh giá định kỳ về mức độ hoàn thành mục tiêu, các nội dung của Đề án.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án "Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường" do Chủ tịch UBND thành phố làm Trưởng Ban; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm Phó Trưởng ban Thường trực.

Các thành viên khác của Ban Chỉ đạo gồm đại diện lãnh đạo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn phòng UBND thành phố và các Sở, ngành liên quan, lãnh đạo Ủy ban nhân dân các quận, huyện và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể trên địa bàn thành phố.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường giúp Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo thành phố môi trường thực hiện nhiệm vụ sau:

2.1. Chủ trì, phối hợp với Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các Sở liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận huyện triển khai thực hiện Đề án "Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường" đã được UBND thành phố phê duyệt;

2.2. Tham mưu đề xuất việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

2.3. Trình UBND thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ và thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án "Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường", văn phòng Ban chỉ đạo thực hiện Đề án "Xây dựng Đà Nẵng - thành phố môi trường";

2.4. Phê duyệt cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Văn phòng thành phố môi trường;

2.5. Tổ chức thực hiện các dự án được phân công tại Quyết định này;

2.6. Kịp thời báo cáo UBND thành phố những vấn đề mới phát sinh vượt quá thẩm quyền của Sở; kiến nghị thay đổi cơ quan chủ trì dự án khi không bảo đảm mục tiêu, tiến độ; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND thành phố về kết quả và tiến độ thực hiện đề án.

3. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính thực hiện nhiệm vụ sau:

3.1. Thẩm định các dự án thuộc Đề án theo quy định của pháp luật;

3.2. Đề xuất cân đối và bố trí kinh phí thực hiện các Đề án trình UBND thành phố phê duyệt.

3.3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố; Thực hiện các giải pháp huy động vốn cho công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố.

4. Chủ tịch UBND các quận, huyện thực hiện các nhiệm vụ sau:

4.1. Tổ chức quản lý, khai thác có hiệu quả các hồ, đầm đã được UBND thành phố phân cấp quản lý; giải quyết kịp thời tình trạng ô nhiễm môi trường tại các hồ, đầm;

4.2. Xây dựng các xã phường Xanh-Sạch-Đẹp; xã phường sinh thái, xã phường thân thiện môi trường;

4.3. Xây dựng chương trình hành động thực hiện nhằm xây dựng quận, huyện "thân thiện với môi trường";

4.4. Thực hiện có hiệu quả phong trào ngày chủ nhật xanh-sạch-đẹp, phát triển phong trào sâu rộng và trở thành thói quen, đi sâu vào nếp sống của từng phường, xã, tổ dân phố.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các Hội, đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ:

5.1. Tổ chức triển khai các chương trình phối hợp hành động bảo vệ môi trường theo tinh thần Nghị quyết liên tịch đã ký kết của các tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương với Bộ Tài nguyên và Môi trường nhằm đề cao vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự tham gia có hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội trong hoạt động bảo vệ môi trường;

5.2. Huy động mọi tầng lớp nhân dân tham gia bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng thành phố Xanh-Sạch-Đẹp, thành phố môi trường.

6. Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh truyền hình Đà Nẵng (DRT), Tổng biên tập Báo Đà Nẵng thực hiện các nhiệm vụ:

6.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, làm cho ý thức bảo vệ môi trường trở thành thói quen, đi sâu vào nếp sống của mọi tầng lớp xã hội.

6.2. Xây dựng chuyên mục “thành phố môi trường” phát hàng ngày vào các giờ vàng từ: 17-19 giờ trên đài DRT; chuyên mục “thành phố môi trường” đăng hàng tuần trên báo Đà Nẵng.

7. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận huyện tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án được phân công tại Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Minh

PHỤ LỤC 1:
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ DỰ ÁN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên nhiệm vụ, Dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thứ tự ưu tiên (Tính đến trước năm 2010)	Thời gian thực hiện
I	Môi trường không khí				
1	Quy hoạch và xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí tự động trên địa bàn TP. Đà Nẵng.	Sở TN&MT	Các Sở ban ngành, địa phương	1	2008-2010
2	Dự án giảm bụi giao thông.	Sở GTCC	Các Sở ban ngành, địa phương	1	2008-2015
3	Dự án phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn 2007-2015.	Sở GTCC	Các Sở ban ngành, địa phương	1	2008-2015
4	Thúc đẩy chuyển đổi sử dụng nhiên liệu sạch và giảm thiểu lượng thải khí ô nhiễm (nguồn di động và nguồn cố định). + Nguồn di động: Phát triển các loại hình xe bus, taxi chạy bằng gas, tàu điện; Xây dựng các trạm cung cấp nhiên liệu sạch; ... + Nguồn cố định: Thúc đẩy các doanh nghiệp sử dụng các nguồn nhiên liệu sạch như: khí thiên nhiên, khí hoá than, năng lượng mặt trời, thực hiện ISO 14001;	Sở CN, Sở TM, Sở KHCN	Sở GTCC, Sở KHCN, Sở TNMT	2	2008-2020
5	Tiết kiệm năng lượng và sử dụng hợp lý nguồn nhiên liệu.	Sở KHCN	Sở CN, TNMT, BQL KCN&CX	2	2008-2010
6	Xây dựng và phát triển các dự án CDM.	Sở TNMT	Sở GTCC, Sở KHĐT		2008-2010
7	Phát triển các mô hình tái sử dụng năng lượng.	Sở CN	Sở KHCN, TNMT, BQL KCN&CX	2	2008-2015
8	Dự án Quy hoạch chi tiết phát triển GT đô thị đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.	Sở GTCC	UBND quận huyện, Sở XD	1	2008-2010
9	Dự án bảo tồn đa dạng sinh học, tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên	Sở TSNL	Các Sở, Ban, ngành, UBND địa phương	2	2008-2015

10	Dự án trồng rừng (Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn trồng rừng kinh tế, trồng rừng cảnh quan khai thác du lịch. Phân đầu đến năm 2010 trồng 8.000 ha rừng kinh tế).	Sở TSNL	Các Sở, Ban, ngành, UBND địa phương	1	2008-2010
11	Dự án phát triển cây xanh sử dụng công cộng.	Sở GTCC	Sở TNMT, Sở TSNL, Sở XD, UBND quận huyện	1	2008-2010
12	Phát triển du lịch sinh thái, xây dựng và phổ biến nhân rộng các mô hình làng kinh tế sinh thái.	Sở VH TT&DL	Các Sở, Ban, ngành, UBND địa phương	2	2008-2010
II	Môi trường nước				
13	Quản lý, khai thác bảo vệ hồ, đầm.	UBND các quận, huyện	Sở TNMT, Sở GTCC, Sở XD, Sở TSNL	1	2008-2009
14	Quản lý các lưu vực sông, nước biển.	Sở TN&MT	Sở TSNL, UBND quận huyện	2	2010-2015
15	Dự án cung cấp nước sạch: nâng công suất 111.000 m ³ / ngày năm 2007 lên 330.000 m ³ / ngày năm 2015 - Dự án cấp nước sử dụng nước sông Cuêê với công suất 120.000 m ³ /ngày đêm.	Sở XD	Sở TSNL, Sở GTCC, UBND các quận, huyện	1	2008-2015
16	Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước.	Sở TNMT	Sở XD, UBND các quận huyện	1	2008-2010
17	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ở tất cả các khu công nghiệp.	Ban quản lý các KCN&CX	Sở XD, GTCC, TNMT, UBND quận, huyện	1	2008-2010
18	Dự án xử lý nước thải y tế.	Sở Y tế	Sở TNMT, UBND quận/huyện, Ban quản lý KCN&CX	1	2008-2010
19	Dự án xử lý nước rỉ rác bổ sung tại bãi rác Khánh Sơn mới	Sở TNMT	Sở XD, UBND quận Liên chiểu	1	2008-2010
20	Nâng cấp 4 trạm xử lý nước thải đô thị hiện có, xây dựng trạm xử lý nước thải đô thị tại Hoà Xuân, xây dựng hạ tầng thoát nước thải tại các quận Sơn Trà, Liên Chiểu, Cẩm Lệ (Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP. Đà Nẵng)	Sở GTCC	Sở TNMT, UBND quận/huyện	1	2009-2012

21	Quy hoạch và xây dựng hệ thống quan trắc môi trường nước tự động	Sở TNMT	Các sở, ban, ngành, UBND quận huyện	1	2008
22	Cải tạo môi trường Sông Phú Lộc (Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP. Đà Nẵng)	Sở GTCC	Sở TNMT, UBND quận/huyện	1	2009-2010
III	Môi trường đất				
23	Dự án xử lý rác thải y tế, chất thải nguy hại	Sở Y tế, Sở TNMT	UBND quận/huyện, Ban quản lý KCN&CX	1	2008-2010
24	Quy hoạch quản lý xử lý chất thải rắn.	Sở TNMT	UBND quận huyện, Sở XD	1	2008-2010
25	Phân loại rác thải tại nguồn, tái chế tái sử dụng chất thải rắn.	Sở TNMT	Sở GTCC, Sở XD, Sở KHĐT, Sở TCVG	1	2008-2010
26	Đóng cửa bãi rác Khánh Sơn cũ TP. Đà Nẵng	Sở TNMT	Sở GTCC, Sở XD, Sở KH-ĐT	1	2008-2012
27	Xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR.	Sở TNMT	Sở GTCC, XD, UBND quận huyện	1	2008-2015
IV	Quản lý tổng hợp môi trường đô thị				
28	Đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH TP. Đà Nẵng đến năm 2020, Bao gồm một số nội dung chính: - Rà soát, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch: sử dụng đất; phát triển du lịch và thủy sản, nông, lâm); - Dự báo tác động xấu đối với môi trường có thể xảy ra khi thực hiện Quy hoạch; - Phương hướng, giải pháp tổng thể giải quyết các vấn đề môi trường trong quá trình thực hiện Quy hoạch.	Sở TNMT	Sở: VHTT&DL, NNPTNT, KHĐT, XD; UBND quận/huyện	1	2009-2012
29	Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp thân thiện với môi trường	Sở Công thương	Sở KH-ĐT, TTXT Đầu tư ĐN, Ban QL KCN&CX ĐN	1	2008-2020
30	Bảo vệ môi trường tại các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị.	Sở Công thương	UBND quận, huyện	1	2008-2015
31	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá kết quả thực hiện Đề	Sở TN&MT	Các Sở, Ban, ngành,	1	2008, 2015,

	án qua các giai đoạn theo bộ tiêu chí.		UBND địa phương		2020
32	Phát triển các mô hình cụm dân cư, khu đô thị, KCN, ... theo mô hình cộng đồng sinh thái	UBND các quận/huyện	Sở GTCC, Sở XD, Sở TNMT	1	2008-2012
33	Phát triển nông nghiệp sạch, thân thiện môi trường.	Sở TSNL	Sở TNMT, UBND các quận, huyện	2	2008-2015
34	XHH công tác bảo vệ môi trường thành phố Đà Nẵng đến năm 2010.	Sở TNMT	Các Sở, ban, ngành, UBND quận huyện	1	2008-2010
35	Chương trình quản lý ô nhiễm công nghiệp giai đoạn 2006-2010.	Sở TNMT	Các Sở, ban, ngành, UBND quận huyện	1	2006-2010
36	Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	Sở VH TT & DL	Sở, ngành, UBND quận, huyện	1	2008-2015
37	Thực hiện đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục thành phố	Sở GD-ĐT	Sở TNMT, các trường Đại học, cao đẳng, phòng GD&ĐT, các trường THPT, THCS-DN, TT GDTX-HN trên địa bàn thành phố.	2	2008-2015
38	Xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường	Sở KH CN	Sở, ngành, UBND quận, huyện	2	2008-2015
39	Nâng cao nguồn lực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.	Sở Nội vụ	Sở, ngành, UBND quận, huyện	2	2008-2015
40	Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường.	Sở KH CN	Sở, ban, ngành liên quan	2	2008-2010
41	Thành lập Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Đà Nẵng	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành liên quan	1	2008-2009

PHỤ LỤC 2:
KINH PHÍ, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ, Dự án	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương	ODA	Huy động từ tổ chức cá nhân
I	Môi trường không khí				
1	Quy hoạch và xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tự động trên địa bàn TP. Đà Nẵng.	20.000	5.000		
2	Dự án giảm bụi giao thông.		18.475		
3	Dự án phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giai đoạn 2007-2015.			328.860 (20,3 triệu USD)	
4	Thúc đẩy chuyển đổi sử dụng nhiên liệu sạch và giảm thiểu lượng thải khí ô nhiễm (nguồn di động và nguồn cố định). + Nguồn di động: Phát triển các loại hình xe bus, taxi chạy bằng gas, tàu điện; Xây dựng các trạm cung cấp nhiên liệu sạch; ... + Nguồn cố định: Thúc đẩy các doanh nghiệp sử dụng các nguồn nhiên liệu sạch như: khí thiên nhiên, khí hoá than, năng lượng mặt trời, thực hiện ISO 14001;	10.000	12.000		30.000
5	Tiết kiệm năng lượng và sử dụng hợp lý nguồn nhiên liệu.	20.000	15.000		
6	Xây dựng và phát triển các dự án CDM.				65.600
7	Phát triển các mô hình tái sử dụng năng lượng.	15.000	20.000		30.000
8	Dự án Quy hoạch chi tiết phát triển GT đô thị đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.			8.100 (0,5 triệu USD)	
9	Dự án bảo tồn đa dạng sinh học, tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên		600		
10	Dự án trồng rừng (Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn trồng rừng kinh tế, trồng rừng cảnh quan khai thác du lịch. Phấn đấu đến năm 2010 trồng 8.000 ha rừng kinh tế).				400.000

11	Dự án phát triển cây xanh công cộng.		20.000		30.000
12	Phát triển du lịch sinh thái, xây dựng và phổ biến nhân rộng các mô hình làng kinh tế sinh thái.		500		500.000
II Môi trường nước					
13	Quản lý, khai thác bảo vệ hồ, đầm.		20.000		100.000
14	Quản lý các lưu vực sông, nước biển.	12.000	30.000		
15	Dự án cung cấp nước sạch: nâng công suất 111.000 m ³ / ngày năm 2007 lên 330.000 m ³ / ngày năm 2015 - Dự án cấp nước sử dụng nước sông Cuđê với công suất 120.000 m ³ /ngày đêm.			1.216.000 (76 triệu USD vốn vay ADB)	
16	Khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước.		3.000		
17	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ở tất cả các khu công nghiệp.		40.000		70.000
18	Dự án xử lý nước thải y tế.			64.000	
19	Dự án xử lý nước rỉ rác bổ sung tại bãi rác Khánh Sơn mới		7.000		
20	Nâng cấp 4 trạm xử lý nước thải đô thị hiện có, xây dựng trạm xử lý nước thải đô thị tại Hoà Xuân, xây dựng hạ tầng thoát nước thải tại các quận Sơn Trà, Liên Chiểu, Cẩm Lệ (Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP. Đà Nẵng)			566.697	
21	Quy hoạch và xây dựng hệ thống quan trắc môi trường nước tự động.	10.000	5.000		
22	Cải tạo môi trường Sông Phú Lộc (Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP. Đà Nẵng)			132.931	
III Môi trường đất					
23	Dự án xử lý rác thải y tế, chất thải nguy hại.		5.000		10.000
24	Quy hoạch quản lý chất thải rắn		2.000		
25	Phân loại rác thải tại nguồn, tái chế tái sử dụng chất thải rắn.		11.000		
26	Đóng cửa bãi rác Khánh Sơn cũ TP. Đà Nẵng	9.433 (vốn thực hiện QĐ			

		64/2003/QĐ-TTg)			
27	Xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTR.				8.000
IV	Quản lý tổng hợp môi trường đô thị				
28	Đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH TP. Đà Nẵng đến năm 2020 (Bao gồm rà soát, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch: sử dụng đất; phát triển du lịch và thủy sản, nông, lâm)		1.000		15.000
29	Xây dựng và phát triển ngành công nghiệp thân thiện với môi trường		1.000		500.000
30	Bảo vệ môi trường tại các chợ, trung tâm thương mại, siêu thị.		100.000		
31	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá kết quả thực hiện Đề án qua các giai đoạn theo bộ tiêu chí.		1.000		
32	Phát triển các mô hình cụm dân cư, khu đô thị, KCN, ... theo mô hình cộng đồng sinh thái: - Khu Vũng Thùng - Khu đô Thị Tây Bắc - Huyện Hòa Vang	100.000	200.000		150.000
33	Phát triển nông nghiệp sạch, thân thiện môi trường.		100.000		
34	XHH công tác bảo vệ môi trường thành phố Đà Nẵng đến năm 2010.		1.000		45.695
35	Chương trình quản lý ô nhiễm công nghiệp giai đoạn 2006-2010.		129.203		
36	Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường		12.000		15.000
37	Thực hiện đưa nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục của thành phố	50	5.262		300
38	Xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ theo hướng thân thiện với môi trường	100.000	150.000		500.000
39	Nâng cao nguồn lực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.		12.000		
40	Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường.	10.000	20.000		
41	Thành lập Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Đà Nẵng	10.000	5.000		3.000

Tổng cộng	316.483	952.040	2.316.588	2.472.595
------------------	----------------	----------------	------------------	------------------

PHỤ LỤC 3:
CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN TỪ NĂM 2008-2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2008 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Tên nhiệm vụ, Dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kinh phí (triệu VNĐ)	Thời gian thực hiện
I	Môi trường không khí				
1	Quy hoạch và xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí tự động trên địa bàn TP. Đà Nẵng.	Sở TN&MT	Các Sở ban ngành, địa phương	20.000	2008-2012
2	Thúc đẩy chuyển đổi sử dụng nhiên liệu sạch và giảm thiểu lượng thải khí ô nhiễm (nguồn di động và nguồn cố định). + Nguồn di động: Phát triển các loại hình xe bus, taxi chạy bằng gas, tàu điện; Xây dựng các trạm cung cấp nhiên liệu sạch; ... + Nguồn cố định: Thúc đẩy các doanh nghiệp sử dụng các nguồn nhiên liệu sạch như: khí thiên nhiên, khí hoá than, năng lượng mặt trời.	Sở TNMT	Sở GTCC, Sở KHCN, Sở KHĐT	42.000	2008-2010
3	Dự án phát triển cây xanh công cộng.	Sở GTCC	Sở TNMT, Sở TSNL, Sở XD, UBND quận huyện	10.000	2007-2010
II	Môi trường nước				
4	Quản lý, khai thác bảo vệ môi trường hồ Đàm Rong	UBND quận Hải Châu	Sở TNMT, Sở GTCC, Sở XD, Sở NNPTNT	10.000	2008-2010
5	Quản lý, khai thác bảo vệ môi trường hồ Bàu Tràm	UBND quận Liên Chiểu	Sở TNMT, Sở GTCC, Sở XD, Sở NNPTNT	5.000	2008-2010
6	Quy hoạch và xây dựng hệ thống quan trắc môi trường nước tự động.	Sở TNMT	Sở XD, UBND các quận huyện	15.000	2007-2010
7	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, KCN Hoà Cầm. Hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải KCN Hoà Khánh.	Công ty Phát triển cơ sở hạ tầng KCN ĐN	Ban QL các KCN&CX ĐN, Sở TNMT, Sở XD, Sở KH-ĐT, Sở TC	40.000	2008-2009
8	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp: Liên Chiểu, Hoà Khánh Mở Rộng.	Công ty CP đầu tư Sài Gòn Đà Nẵng	Ban QL các KCN&CX ĐN, Sở TNMT, Sở XD, Sở KH-ĐT, Sở TC	20.000	2009-2010

9	Dự án xử lý nước rỉ rác bổ sung tại bãi rác khánh sơn mới	Sở TNMT	Sở XD, UBND quận liên chiều	7.000	2008-2009
10	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại khu công nghiệp Đà Nẵng.	Công ty Liên danh Masda	Ban QL các KCN&CX ĐN, Sở TNMT, Sở XD, Sở KH-ĐT, Sở TC	9.000	2008-2009
11	Cải tạo môi trường Sông Phú Lộc (Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên TP. Đà Nẵng)	Sở GTCC	Sở TNMT, UBND quận/huyện	132.931	2009-2010
III Môi trường đất					
12	Quy hoạch quản lý chất thải rắn	Sở TNMT	Sở GTCC, XD	2.000	2008-2010
13	Phân loại rác thải tại nguồn, tái chế tái sử dụng chất thải rắn.	Sở TNMT	Sở GTCC, Sở XD, Sở KHĐT, Sở TCVG	11.000	2008-2010
IV Quản lý tổng hợp môi trường đô thị					
14	Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá kết quả thực hiện Đề án qua các giai đoạn theo bộ tiêu chí.	Sở TN&MT	Các Sở, Ban, ngành, UBND địa phương	1.000	2009
15	Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường: - Xây dựng chuyên mục “thành phố môi trường” trên đài DRT, Báo Đà Nẵng, ... - Tuyên truyền sâu rộng công tác bảo vệ môi trường đến tổ dân phố, các hộ dân.	Sở VH&DL Đài DRT Báo ĐN Đài phát thanh quận, huyện	Các Sở TNMT, GTCC, XD, ban, ngành,	5.000	2008-2012
16	Thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố Đà Nẵng	Sở Tài chính	Sở, ban, ngành liên quan	18.000	2007-2009